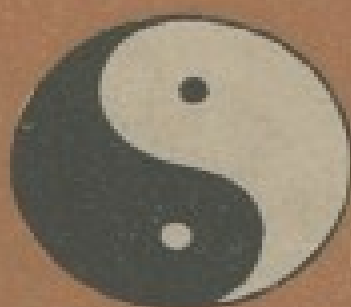


LOẠI SÁCH DUY-NHẤT.

NGUYỄN-ĐĂNG THỰC

ĐẠI-HỌC



In lần thứ nhất
HANOI
MCMXLIX

THƯ-VIỆN
TRUNG-ƯƠNG

P

28540

XUẤT-BẢN TÚ-HẢI



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : ĐẠI HỌC
Tác giả : NGUYỄN ĐĂNG THỰC
Nhà xuất bản : TỨ-HẢI
Năm xuất bản : 1949

Nguồn sách : Thư viện Quốc gia Việt Nam
Đánh máy : Đỗ Trung Thực
Kiểm tra chính tả : Phạm Thu Phương,
Tô Thuý Nga, Ngô Thanh Tùng
Biên tập chữ Hán – Nôm : Ngô Thị Huyền
Biên tập ebook : Thư Võ
Ngày hoàn thành : 08/07/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả NGUYỄN ĐĂNG THỰC và nhà xuất bản
TỨ-HẢI đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý
giá.**

MỤC LỤC

TỰA

ĐẠI-HỌC, HAY LÀ SỰ THỰC-HIỆN CON NGƯỜI LÝ-TƯỞNG Ở
XÃ-HỘI XƯA : CON NGƯỜI DUY-NHẤT

KẾT LUẬN

NGUYỄN ĐĂNG THỰC
ĐẠI HỌC
NHÀ XUẤT-BẢN TỨ-HẢI
112, Lagrandière, Saigon
40, Hàng Da, Hanoi
1949

TỰA

Sách Đại-Học gồm trên một trăm chữ rút ở một thiên Lễ Ký ra cùng với sách Trung-Dung, Luận-Ngũ và Mạnh Tử, là bốn sách cổ-diễn căn-bản của Khổng-học. Thời Hán-học còn thịnh hành ở Việt-Nam, những người theo đòi cửa Khổng sân Trình đều bắt đầu bằng sách này cả.

Đại-Học cũng như sách Phương-pháp luận của Descartes bên Thái-Tây, là một bộ sách luận về phương pháp của họ Khổng-ở Cực-Đông.

Phương-pháp luận của Descartes là phương-pháp duy lý, dạy người ta cách dùng lý-trí để suy xét cho xác đáng, còn Đại-Học thì dạy người ta phương-pháp luyện tập cho con người xã-hội trở nên sáng suốt và hoàn toàn. Nghĩa là cả tâm lẫn trí phải điều hòa, không thiên lệch, không làm cho tâm thắng trí mà cũng không làm trí thắng tâm. **Tâm** và **Trí** quân bình tức là con người Duy-Nhất, con người lý-tưởng trong quan-niệm xã-hội của Nho-giáo. Và nếu xét rằng Nho-giáo đã phổ thông ở Nhật-Bản, Trung-Hoa và Việt-Nam là dường nao, thì người ta có thể nói đây là quan niệm con người lý-tưởng ở xã-hội Cực-Đông trong bao nhiêu thế hệ vậy.

Phương-pháp luận của Descartes nhằm mục-đích đấu trí với Tạo-hóa, giúp cho con người thắng đoạt những thế-lực của tự-nhiên. Phương-pháp luận của họ Khổng nhằm mục-đích tu thân, muốn cho người ta tự thắng lấy mình, tự mình làm chủ được mình, điều khiển được những thế-lực trong

nội giới, không để cho ý-thức trôi theo dòng vật-dục. Một đảng thì theo đuổi cái tri-thức khách quan. Một đảng thì tìm thực-hiện cái ý-thức khách quan, cái ý-thức của một tâm-hồn hoàn toàn vô tư, đã thực hiện được lý-tưởng khắc kỷ của Cam-Địa ngày nay, là trừ bỏ cái tư-dục đến chỗ không, « Je me réduis à zéro ».

Cái tri-thức khách quan của Tây-phương đem đến cho xã-hội kết quả tất nhiên là chủ-nghĩa cá-nhân tuyệt đối, còn ý-thức khách quan của Khổng giáo quan niệm người ta là một phần-tử của đoàn-thể, lấy cá-tính của đoàn-thể làm cá-tính của mình, cùng với đoàn-thể mà tiến-hóa, tiến từ đoàn-thể gia-đình qua quốc-gia, xã hội nhân-loại cho tới tuyệt-đích là cùng với trời đất làm một : « **Dữ thiên địa tham hỹ** ».

Đứng trước cảnh-tượng tân Xuân Thu, ngày nay, đang tái diễn trên phạm-vi thế-giới, cuộc cách-mệnh kỹ-nghệ ở Tây-phương đã xô đẩy cả nhân-loại vào con đường bá-đạo, thượng mưu-trí mà khi thị tâm-tình ; trong sự giao-tế chỉ biết có « *bán mua sòng phẳng, dìm bao tính-tình quân-tử, nghĩa-vụ thủy-chung vào trong nước đá* ». Đứng trước cái họa mạnh được yếu thua, cốt nhục tương tàn, muôn dân như đàn con đỏ kề miệng hùm beo, kêu trời còn xa, kêu người thì người đã hóa ra quỷ, chúng tôi, thiển nghĩ các nhà ưu thời mẫn thế sốt sắng cho tuần nước vận dân, cho sự kiến-thiết hòa-bình trong nhân loại, trước hết hãy lo kiến thiết lại con người, xây đắp lại nền-tảng từ bên trong nội-giới, họa may mới phải là chữa bệnh từ nơi gốc vậy.

Sách Đại-Học, ý-nghĩa hàm súc, chính là « phương-pháp » để xây dựng lại thể quân-bình trong con người, điều hòa cả « **Tâm** » lẫn « **Trí** », tức là con người Duy Nhất mà thể-giới đang mong đợi. Phê bình về hạng người kiểu mẫu này mà Khổng-học muốn đào tạo, nhà văn-sĩ Doeblin vừa đây mới viết rằng :

« Học-thuyết của Khổng-tử lập nên giữa chính-phủ và nhân-dân một giai cấp có thể nói là nó tranh đấu về tinh-thần chống hai mặt, một bên là chính phủ mà nó muốn hướng dẫn và nếu cần thì nó phụ chính và một bên là nhân-dân mà nó có nhiệm-vụ giáo hóa để đưa đến một trình-độ khôn ngoan hơn... Khổng-tử đã có thể gây nên một giai-cấp đặc biệt, có ảnh-hưởng lớn vào chính-phủ, ấy là giai-cấp công-chức vừa là bác-học, vừa là triết-nhân ». (Confucius của Alfred Doeblin trang 9).

Thực vậy, con người Duy Nhất này không phải là con người đặt trong trườ-tượng, biệt lập với nhân-quần, xã-hội, như bức họa người tiên để làm cảnh mà là con người hành động, con người nhập thể, có nhiệm-vụ lịch-sử phải ý-thức và phải làm.

Trước khi hành động phải tìm phương-pháp. Hành động có phương-pháp, có đường-lối trước sau, có trình-tự tiến triển thì mới mong có kết-quả. Cho nên Tây-phương khoa-học hay Đông-phương Đạo-học, đứng trước vấn-đề nhân-sinh và nhận-thức là vấn-đề căn bản cả nhân-loại phải giải quyết, đều bắt đầu bằng phương-pháp luận. Phương pháp luận của Khổng-học, dung hòa cả nhận-thức luận lẫn nhân-sinh quan, là phương-pháp đang cần cho tinh-thần khủng

hoảng của nhân-loại hiện thời, ở phạm-vi quốc-gia cũng như ở phạm vi quốc-tế, cho nên chúng tôi muốn nhắc lại với anh-em thanh-niên quốc-gia cái phương-pháp luận của Đông-phương « **tri hành hợp nhất** » đã lâu ngày quên bỏ.

Văn-chương Đại-Học là một thứ văn-chương cổ kính, phản-ảnh của một xã-hội quá khứ, một hoàn-cảnh thực tế từ mấy ngàn năm về trước có thể khác hẳn với hoàn-cảnh ngày nay. Tuy nhiên, về khoa-học nội-giới tâm-linh thì nhân-loại còn chậm tiến và những bài học kinh-nghiệm của cổ nhân còn đầy ý-nghĩa có thể giúp ta nhiều về phương-pháp để làm chủ lấy mình, thẳng tri bản-tính tự nhiên nội-tại.

Để nguyên-văn thì khó hiểu, cho nên tác-giả phải làm sống lại bằng tinh-thần khoa-học ngày nay với tất cả cách-thức diễn giải có hệ-thống của nó, để độc-giả khỏi phải tốn công suy nghĩ.

Riêng về chữ « **thân dân** », tác-giả xét nên để là « **Thân** » như Vương-dương-Minh đã chủ trương chứ đọc là « **Tân** » như Chu Hy thì không có nghĩa.

Hanoi, ngày 10 tháng 5 năm 1949

N.Đ.T

ĐẠI-HỌC, HAY LÀ SỰ THỰC-HIỆN CON NGƯỜI LÝ-TƯỞNG Ở XÃ-HỘI XƯA : CON NGƯỜI DUY-NHẤT

Người ta sinh ra sẵn có nhiều khuynh-hướng tự-nhiên do sự di-truyền của tổ tiên và tất cả tư-tưởng cùng hành-vi từ trước tổng cộng lại gọi là quá-trình tiến-hóa của con người ; đời kiếp nghiệp lại lọc đi tích lại, đã kết tinh ra vậy. Tuy nhiên, đứng trong vũ-trụ là một trường thế-lực, thì người ta cũng chỉ là một trường thế-lực nhỏ, tuy so với vạn vật, hòn đá, cái cây, con thú, thì người ta còn phong phú hơn nhiều. Trong cái khuynh-hướng tự nhiên của người ta, có hai khuynh-hướng chính, nó chi phối tất cả hành-động và tư-tưởng, thân-thể và tinh-thần, trong xã-hội cũng như trong vũ-trụ, ấy là khuynh-hướng tìm tòi để hiểu biết và lòng thương yêu thân-cận, mà thông thường người ta gọi là *tâm* và *trí*, tình-cảm và trí-thức. Vì có khuynh-hướng hiểu biết, vì trí-năng ở người ta phát triển trội hơn vạn vật, cho nên người ta không chịu đóng vai thụ động trên trường thiên diễn này, mặc cho sự vật vẫn xoay, như thế nào không hề thắc mắc.

Không kể từ cổ xưa người ta đã biết quan-sát những hình-tượng chung quanh người ta, và tò mò tìm tòi, xếp đặt, để dò la manh mối, chứ không như các giống khác trên mặt đất. Người ta cũng không lấy sự khoái-lạc làm cứu-cánh cho sự sống, mà luôn luôn muốn thoát khỏi chỗ ngu tối, coi như tù giam. Ấy là mục-đích tối cao của các triết-học Đông-phương vậy.

Ngoài năng-khiếu hiểu biết, nó thúc giục trong lòng người ta, có kẻ quên ăn, quên ngủ vì nó, thì lại còn một năng-khiếu nữa, không kém tính cách phổ thông, có lẽ còn phổ-biến hơn nữa, tràn ngập vạn vật, ấy là tình yêu vậy. So với năng-khiếu biết, thì năng-khiếu thương yêu của người ta còn mạnh hơn nhiều. Làm người ai không có tình. Vô tình, thì họa may có vật vô tri, còn ngoài ra, con hổ là loài ăn sống nuốt tươi mà cũng không ăn thịt con nó ; con kiến, loài ong, đều biết sống thành đoàn-thể, cũng vì có tình với nhau thì mới hợp quần. Vậy loài người vô tình thì lấy gì làm dấu hiệu sinh linh, sao không sống cô độc, mỗi kẻ một nơi, mà lại phải kết giao thành đoàn-thể xã-hội nhỏ và lớn ? Bảo rằng gỗ đá vô tình, thì vị tất. Lấy nghĩa rộng của chữ tình mà nói, thì tình yêu tức là cái lực hấp-dẫn vật nọ với vật kia. Nếu vũ-trụ này, bắt đầu từ nguyên-tử trở lên, không lấy tình yêu, là lực hấp-dẫn, làm nền tảng cho sự kiến thiết cấu thành, thì còn đâu là vạn vật. Vũ-trụ trong giây lát sẽ tan tành rời rạc, nát vụn, tả tơi.

Nếu trí-năng chi phối hành-vi của người ta trong xã-hội và vũ-trụ, thì tình yêu còn chi phối hơn nữa. Thiếu trí-năng, người ta có thể còn sinh sống một cách u-mê chất phác được, chứ thiếu tình cảm, người ta sẽ trở về với cát bụi.

Ấy tình-cảm và trí-thức quan hệ cho cuộc sống còn và tiến-hóa của nhân-loại là như thế, cho nên, từ cổ xưa người ta đã phải chú-ý đến sự rèn luyện, làm phát triển và hướng dẫn hai năng-khiếu ấy ở con người, đặng không trái với cái hòa-điều đại đồng ở vũ-trụ, tức là đạo vậy. Cho nên Đại Học bắt đầu : « *Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân,*

*tại chỉ ư chí thiện »*¹. Con đường học làm người ở chỗ làm phát triển năng-lực của tinh-thần về trí-thức, và phát triển tình yêu, đồng cảm với nhân-loại, và nhằm mục-đích cực hay cực tốt mà tiến tới. Tuy nhiên, tình-cảm và trí biết ai cũng có thật, nhưng, nếu không biết cách sớm luyện và hướng dẫn nó vào con đường ngay thẳng chân chính, phải nên, thì trí biết có thể đưa đến chỗ nguy biến sai lầm, cũng như có thể đưa đến chân-lý được, và tình-cảm có thể đưa đến chỗ giết hại lẫn nhau, phá hoại cái hòa-điều trong nhân-quần xã-hội, cũng như nó có thể đưa đến chỗ vui hòa, đồng nhất thể cả với vạn vật, làm một với Thiên Địa để cùng trời đất hợp tác trong cuộc sinh thành tiến hóa của toàn-thể.

Tình yêu ở nhân-loại hiện ra có nhiều trạng-thái. Yêu đến coi người khác tựa như mình vậy, cái gì mình không thích không đem cho người ta, chịu đựng ví như bậc Nhân Đức ở Khổng Nho, hay là hơn nữa, không còn oán giận mà vẫn thương yêu được kẻ thù như ở Cơ-Đốc Giáo, hay là cảm tới cái bụng đói của con thú dữ mà tự hiến thân mình làm mồi cho nó, như bậc bác-ái từ-bi ở Phật-Giáo, v.v... Cũng lại có kẻ yêu tiền, yêu của, phải tìm cách ăn trộm, ăn cướp ; yêu quyền, yêu thế, đến anh giết em, con giết cha, bầy tôi giết vua, ấy cũng do tình yêu cả, chỉ vì hướng dẫn khác nhau, cùng một bầu tình-cảm nồng nàn nhưng, hướng dẫn ra hai ngả tương phản.

Trí biết ở người ta cũng có nhiều bậc. Biết như con vịt, mới nở đã tìm ra bờ nước bơi lội, biết như con gà con, mới lìa vỏ trứng thấy điều-hâu vội nấp vào cánh của mẹ. Ấy là

cái biết bản nhiên do tập-quán tích lũy từ trước, nay biến thành bản-tính. Biết như cái biết có suy nghĩ, hợp phép lý-luận thông thường, có thể lấy lý biện luận tại sao cái này thẳng, cái kia cong, hay là cũng có thể bẻ cái cong ra thẳng được ; có cái biết căn cứ vào thực-nghiệm, lại vừa hợp lý nữa, có thể làm cho người ta biết lợi dụng năng-lực của vật-chất vị kỷ, hay là để phá hoại nhân-loại và văn-minh trong các cuộc chinh-chiến, hay là dùng nó để giải phóng cho nhân loại về nhu-cầu vật chất, đặng rộng đường phụng sự chân-lý, như mộng-tưởng của các nhà khoa-học chân chính Âu-Tây. Còn có cái biết tâm linh, siêu lên trên cả lý trí và thực-nghiệm mà không mâu thuẫn với lý-trí, ấy là cái biết đồng-nhất của tinh-thần, đứng làm chủ quan và sự vật ở địa-vị khách quan, hai cái đối tượng, vật để biết với người quan sát hòa-hợp làm một, ấy là biết siêu-thức, tiên tri vậy. Cái biết ấy là cái biết vượt lên trên lý nhân và quả, thời-gian và không-gian, thống-quan, bao trùm được cái lý duy-nhất, nó chi phối toàn thể các lý trong vũ-trụ.

Ấy đây, đại khái tình yêu và trí biết có nhiều thứ bậc như vậy, cho nên, không thể không tìm cách luyện tập, để hướng dẫn nó vào con đường phải và mục-đích hay. Và, đã luyện tập được như thế, không lẽ lại không theo đuổi công-trình tiến triển của nó tới chỗ cùng cực, tình yêu thì tới chỗ đại đồng, và trí biết cũng đạt tới chỗ thông suốt vạn vật, hoàn toàn phổ biến, ấy là chỗ Chí Thiện. Cho nên mục-đích của Đại Học là Chí Thiện, mà công-trình và điều kiện học tập của Đại Học là làm cho sáng trí-tuệ và khuếch xung tình-cảm đến triệt để vậy.

Lý-tưởng của con người duy-nhất ở xã-hội là Chí Thiện thì không những nó chỉ biết làm sáng cái đức sáng bản nhiên ở tinh-thần nó mà thôi, hay là chỉ biết thân yêu đồng cảm với nhân loại làm đủ, mà hơn nữa, phải đồng thời phát-triển cả hai năng-khiếu, trí và tình, cho quân bình đồng điệu. Trí-thức hay làm cho con người khô khan, khi người ta chưa đạt tới chỗ cùng cực của sự biết, là cái trí-thức thống-quan duy-nhất. Tình cảm hay làm cho người ta thiên vị, nhu nhược, thiên mê, khi người ta chưa phát triển được đến chỗ phổ biến, đại đồng. Cho nên, tâm với trí luôn luôn phải đi đôi, thì không những nó không mâu thuẫn phá-hoại lẫn nhau, như-ở Tây-phương cận đại đã hiểu lầm, mà trái lại, còn bổ khuyết lẫn cho nhau nữa. Bởi vì cả hai đều bắt nguồn từ sinh-lực. Sinh-lực suy nhược, thì trí-tuệ cũng lu mờ và tình-cảm cũng không thể phong hậu. Cả trí sáng suốt lẫn tình thâm thiết, chỉ nảy nở, ở cái sinh-lực Khang kiện thanh tao. Vì thân-thể người ta là một trường thế-lực chuyển biến, mà tình-cảm hay trí-tuệ là những tác-động. Biết điều khiển được những thế-lực kia, không cho phiếm tán và phá hoại lẫn nhau, thì khi tập trung nó vào trí-tuệ, trí-tuệ sẽ có sức thông suốt, khi tập trung vào tình-cảm, tình-cảm sẽ thâm-thiết sâu xa. Vả lại, trí-thức ở đâu mà ra ? Ở những quan-niệm minh bạch, ý-tưởng phân minh, như Descartes, một triết-gia Pháp đã nói, và ý-tưởng lại do sự vật bên ngoài xúc động vào giác-quan. Cổ nhân nói « *tình thâm nhi văn minh* » có nghĩa là tình-cảm thâm thiết thì ấn-tượng mới rõ ràng, quan-niệm mới minh bạch.

Người xưa, khi bắt đầu suy xét tìm hỏi, thì trước hết bèn nhìn lên trời xem hình-tượng tinh tú, cúi xuống nhận xét sự vật trên mặt đất, hết thấy đều vắn xoay, biến chuyển, thay đổi không ngừng, không còn biết lấy gì làm chuẩn-đích để bầu vịu, khác nào như ghi trên mặt nước chảy, đánh dấu vào mây bay, sự tìm tòi trí-thức ở ngoại giới vạn vật, thiên biến vạn hóa, thiên si vạn biệt, không đưa người ta đến một kết-quả gì vững chắc cả. Thất vọng, người ta bèn quay nhìn vào nội-giới tâm-hồn, để cố tìm lấy một cột trụ vững chắc hơn. Tuy từ ngoài đi vào, người ta thấy hiện-tượng tâm giới đổi thay, biến chuyển như hiện-tượng ngoại giới ; nhưng người ta cứ đi sâu vào mãi, thì thấy, càng xa lìa hiện-tượng ngoại vật bao nhiêu, càng đi mãi vào nội trung tâm bao nhiêu, người ta càng nhận thấy sự biến-dịch dần dần bớt đi, người ta cảm thấy càng ngày càng yên tĩnh mãi và có thể đến chỗ bất di, bất dịch, không động, không biến nữa, ví như từ cái bánh xe quay tít, lần qua những tay hoa cho đến tận ổ trục của nó, nơi không di dịch, khi mà cả bánh xe cứ quay vậy.

Người ta bèn lấy trung tâm nội giới duy tinh, duy nhất, làm chuẩn đích cho sự nhận thức, và khám phá nội giới cùng với những phép-tắc vận động của những hiện tượng tinh-thần, sự tương quan của nó với ngoại vật như thế nào, và làm thế nào để đi đến cái biết đích xác, cái thực tại sự vật ngoại giới đại vũ-trụ, cũng như ở tiểu vũ-trụ nội giới.

Nhưng trước khi đi tìm cái trí-thức về sự vật, người ta phải tự sửa cái khí cụ dùng để nhận thức, người ta phải chỉnh đốn cái phương-pháp qui mô để khám phá sự thật ở

vũ-trụ. Bởi vì tài liệu dù có thừa, mà không có phương-pháp hay, thì cũng không thể đi đến kết-quả gì cả. Cho nên các nhà tư-tưởng Đông-Tây, sớm muộn, đều bắt đầu bằng phương-pháp-luận, ví như Descartes ở Thái-Tây với sách Đại-Luận về phương pháp, và Khổng Nho ở Cực-Đông với Đại Học vậy.

Cái khí-cụ để nhận thức tất nhiên là cái ý-thức tâm-lý, nó thu nhận những ấn-tượng do cảm quan dẫn vào thần-kinh-hệ, tới não bộ. Giác-quan phải tinh nhuệ, thì những ba-động của ngoại-vật mới dễ xúc động ; dây thần-kinh cũng phải linh diệu, thì sự truyền những ba-động đi mới mau lẹ. Vào tới não-bộ, những xúc-động, những ấn-tượng mới, sẽ gặp những ấn-tượng cũ còn nằm trong ký-ức ; rồi tâm-ý hay là ý-thức, ở đấy, thu nhận tin-tức, đưa lên cho tâm-trí, hay trí-tuệ, để phân biệt, so sánh, cắt đặt ra từng thứ loại, thì mới có kết-quả của sự nhận-thức. Ý-thức và trí-tuệ, cũng như là cảm giác, hãy còn có tính-cách thay đổi ; và nơi nào còn thay đổi, thì chưa phải là cái đích của sự nhận-thức, chưa phải trung-tâm lĩnh hội những ấn-tượng. Ở đằng sau ý-thức và trí-tuệ, còn có cái gì bất dịch bất động nữa kia, chính cái ấy, nó chi-phối tất cả con người từ tinh-thần lẫn thân-thể, cái ấy là tâm-linh hay linh-hồn, nó lĩnh hội những ấn-tượng ở bên ngoài vào, và nó ban truyền những mệnh-lệnh ra cho ý-chí (volonté) để phản ứng với bên ngoài. Chính cái tâm-linh ấy là Minh Đức bản-nhiên của con người ta, và chính cái tâm-linh ấy, nó mới thông suốt được vạn vật, bởi vì nó siêu lên trên chỗ biến dịch của sự vật, và nó tiềm tại trong sự vật để chi phối toàn thể sự vật.

Cái tâm linh ấy, người ta ai cũng có, chỉ khác nhau ở chỗ sáng và tối, tùy theo trình-độ tiến hóa mà thôi.

Muốn cho ý nghĩ của chúng ta được sâu xa, đạt được những kết-quả tốt đẹp của sự tìm-hiểu, tóm lại, cho tinh-thần chúng ta có thể thông suốt được đến chỗ bí-ẩn của sự-vật, chỗ thực-tại cái chân-chính của sự-vật, thì chúng ta phải làm sao mà tập trung được hết năng-lực tinh thần của chúng ta vào ý nghĩ của chúng ta, không để cho vật dục nó lôi kéo tinh-thần vào nơi vọng-động. Như thế tức là chúng ta phải biết chú ý chuyên nhất, không được phiếm tán. Luôn luôn luyện cho tinh-thần làm chủ thân thể, lấy tâm-linh chỉ huy những vật-dục. Nhà khoa-học tập trung được tinh-thần vào sự quan-sát thì mới khám phá ra vật-lý ẩn vi. Người đọc sách biết tập trung tinh-thần vào trang sách mình đọc, thì mới hiểu thấu triệt hơn, tóm lại, bất cứ làm việc gì, biết chuyên-chú, biết tập-trung hết năng-lực tinh-thần vào đấy, thì cũng lượm được kết quả tốt đẹp, hơn là đăng-trí vô-tâm vậy.

Cho nên, muốn luyện cái minh-đức của mình cho được sáng suốt, thì điều trước tiên là, phải chọn lấy một cái mục-đích để nhằm, như người ta tập bắn, ngắm cái hồng-tâm-bia, lấy làm chủ-đích. Người ta, ai cũng phải tìm lấy lý tưởng làm người sống ở đời. Sống, không có mục đích, là sống vất-vưởng, trôi dạt, không bờ, không bến. Người thì sống với lý-tưởng làm giàu, người thì sống với lý-tưởng quyền thế, người thì sống với lý-tưởng tự-do bác-ái. Ai ai, lớn nhỏ, đều có lý-tưởng của mình, tùy theo với trình-độ tình-cảm và trí-thức. Trong giới đất, vật nào có địa-vị nấy,

« các đặc kỳ sở », như thơ Hoàng-Điểu trong kinh Thi có câu : « *Bang kỳ thiên lý duy dân sở chỉ* »². Nơi kinh-đô là nơi văn vật, ấy là chỗ muôn dân trông vào. Lại như « *Mân man hoàng-điểu chỉ vu khâu ngưng* »³. Con chim vàng tìm nơi sườn đồi mà đậu :

« *Mục mục Văn Vương ô tập hi kính chỉ. Vi nhân quân chỉ ư nhân, vi nhân thân chỉ ư kính, vi nhân tử chỉ ư hiếu, vi nhân phụ chỉ ư từ, dĩ quốc nhân giao chỉ ư tín* ». »⁴

Vội vọi như vua Văn, noi theo cái sáng sửa tôn kính, lấy làm mục-đích thực hiện. Làm vua thực hiện mục-đích nhân làm lý-tưởng, làm bề tôi thực hiện mục-đích tôn-kính bề trên làm lý tưởng, làm con thực hiện mục-đích yêu mến cha mẹ làm lý-tưởng, làm cha mẹ thực hiện mục-đích thương con làm lý-tưởng, cùng với người trong nước thực hiện mục-đích tín nghĩa làm lý-lường. Nhưng một khi đã chọn được lý-tưởng chân chính để làm chỗ sở chỉ, phụng sự ở đời, thì bấy giờ tinh thần mới khỏi bông lông vô định. Có không để cho tinh thần lông bông nay đây mai đó, thay đổi bất thường, thì mới có sự tiến-bộ. Ngạn-ngữ Tây phương nói : Hòn đá lăn hoài không bắt được rêu, là ngụ ý vậy.

Vì rằng : « *Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc* ». »⁵

Phương pháp dẫn dắt tư-tưởng đến chỗ thành công, tinh-thần đến chỗ sở đạt của nó, là phương pháp căn cứ vào khoa tâm-lý thực nghiệm. Tâm-lý thực nghiệm thấy rằng tinh-thần với vật-chất mật thiết tương quan. Ở mình ta chỉ có

một thể-lực, duy nhất nó tiến hóa từ ngoài vào trong, hay là từ biểu vào lý, và từ trong ra ngoài, từ trọng trọc lên khinh thanh, và từ khinh thanh xuống trọng trọc, chứ không thể định biên-giới rõ ràng cho vật-chất và tinh-thần, cho thân-thể với tư-tưởng được. Tư tưởng của người ta bị ngoại vật do giác-quan kích động vào, hay để cho phóng phiếm lôi cuốn đi nhiều ngả một lúc, ví như ta gây những ba-động lung tung trên mặt nước, làn sóng nọ xé làn sóng kia, làm cho mặt nước rối bời, vẩn lộn, các hình ảnh phản chiếu xuống nước bị xóa nhòa, không rõ cái gì với cái gì nữa. Cho nên tìm được chỗ sở chỉ, cái đích để nhắm rồi, bấy giờ ta mới có thể định thần vào đấy, chú ý vào đấy, làm như không còn nhìn thấy gì, tưởng đến gì chung quanh nữa. Đến đấy, tinh thần bắt đầu mới có sự bình-tĩnh, những vật-dục bên ngoài không làm cho tinh-thần vọng động, mặt nước mới dẹp hết sóng lẫn tẩn. Tinh-thần, tuy không phải cách-biệt hẳn với thể-chất, tuy nó mật thiết tương quan với thể-chất, nhưng nó cũng không hẳn là thể-chất. Thảng hoặc có khi, chúng ta chuyên chú vào việc gì chúng ta ham thích, thì bấy giờ, chúng ta bằng quên được cái nóng nực, hay là cả đến cái đói rét, buồn ngủ. Như thế đủ thấy, chúng ta có thể làm cho tinh-thần siêu lên trên thể-chất và nếu ta tập luyện luôn, thì có thể lấy tinh-thần để chỉ huy cho cảm giác, làm chủ được thân-thể cùng những dục-vọng của nó. Làm như thế là biến hóa năng-lực vật chất và tinh thần ra các năng-khiếu của chúng ta, như là năng-khiếu trí tuệ hay năng-khiếu cảm thông chẳng hạn.

Một khi tinh-thần đã định tĩnh được rồi, thì tâm hồn sẽ phẳng lặng và trong suốt như mặt gương, làn nước ở trên mặt, cũng như ở bên trong cho chí đáy, không còn ba-động, mà yên lặng như tờ ; trạng-thái ấy chỉ có thể ví với cái dư-vị lúc buổi sớm bình minh tỉnh dậy, sau một giấc ngủ ngon lành, yên tĩnh, không mộng mị. Thân-thể có vẻ thư thái an hòa, tinh-thần có vẻ sáng suốt minh mẫn. Bấy giờ mới là lúc để suy nghĩ, bao nhiêu tư-tưởng chảy theo một dòng bất tuyệt, vào cái mục--đích của mình, vào chỗ sở-chỉ của mình vậy. Có như thế thì suy nghĩ mới có hiệu quả, và tinh-thần càng yên lặng bao nhiêu, ý nghĩ càng miên-tục và chìm sâu bao nhiêu, thì kết-quả sở đắc càng tốt đẹp bấy nhiêu vậy. Vì càng vào sâu thì càng thấy tinh vi, càng thấy tinh vi thì càng quảng-đại phổ biến, và cái gì phổ biến thì dễ tồn tại, ít đổi thay, ấy là chỗ duy tinh, duy nhất của cổ nhân vậy.

Lệ thường, ý-thức của chúng ta chỉ kiểm soát một phạm vi nhỏ của nội giới tinh-thần khi thức tỉnh mà thôi, còn vô ý-thức, một khu hoang vu rộng lớn, chưa kiểm soát được, ấy là khu vô-thức, hay là tiềm-tại ý-thức. Bởi vì trong khi ta ngủ, thì những hiện-tượng nội giới của chúng ta vẫn theo đuổi sự vận-động của nó : nào tim ta vẫn đập, tinh-thần của chúng ta vẫn liên-tưởng, duy có chúng ở ngoài sự điều khiển của ý-thức chúng ta mà thôi. Vậy trí-thức và khả-năng của chúng ta còn khuyết-điểm nhiều, khi chúng ta chưa khám phá và điều khiển được hết những vòng tư-tưởng tiềm ẩn của chúng ta vậy. Nhờ sự nội tỉnh khi ngồi một mình, nhờ sự tập chú ý định thần, giữ tinh-thần yên tĩnh, chúng ta điều khiển ý nghĩ của chúng ta vào sâu nội-

giới, và dần dần khám phá ra những tầng lớp tư-tưởng mới, mở rộng phạm-vi ý-thức của chúng ta, và nắm được những mớ trí-thức bất ngờ vậy. Tất cả trí-thức về vũ-trụ đến ở tại ta, *vạn vật bị ư ngã*, ở ta có đầy đủ cả. Bởi vì như nhà đạo-sĩ Ấn-Độ Viveka-Nanda nói trong khoa thiền-học của ông :

« Thế-giới của chúng ta chỉ là tất cả những cái gì mà cảm-giác đem lại cho chúng ta mà thôi ».

Đây không phải là vấn-đề duy-tâm hay duy-vật như người ta thường ngụ ý biện ở Thái-Tây. Đây chỉ là nhận chân sự thật-tại như thế mà thôi. Nhà tâm-lý học cổ Ấn-Độ Kapila, có giá trị nhất trong thế-giới, đã từng chứng minh rằng, cái ý-thức của người ta, là một trong những điều-kiện gây dựng ra sự-vật chúng ta tri-giác và quan-niệm, thuộc về nội-giới cũng như thuộc về ngoại-giới. Vậy thì mỗi sự-vật chúng ta tri-giác là cái ý-thức ấy có thêm bớt một cái gì khác nữa bất-luận là gì – $(y \pm x) = \text{Thực-tại} - \text{Vũ-trụ sự-vật thực tại của chúng ta}$ chỉ là thế, không hơn không kém ; chúng ta không bao giờ có thể trừ khử hết cái chủ-quan để tới khách-quan tuyệt đối, có chăng, chúng ta chỉ có thể điều khiển tinh-thần khỏi vòng nô-lệ của vật-dục, nó che lấp cái sáng-suốt, mê hoặc trí-tuệ tâm-linh, làm vẩn đục mặt nước không cho nhìn rõ rệt hình-ảnh của sự-vật phản chiếu vào đấy một cách phân minh mà thôi. Một khi ra khỏi màn mê, chúng ta đạt tới cái thực-tại kia nó thông suốt cả vũ-trụ nội ngoại, có thể nói đến đấy là biên giới chung của cái chủ-quan và cái khách-quan vậy. Đây là cái duy-tinh duy-nhất mà cổ-điển Trung Hoa dạy phải luôn luôn ý thức và căn cứ vào đấy làm chuẩn-đích như nói trong kinh Thư : *Nhân-tâm*

duy nguy, đạo-tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung. Nghĩa là lòng người hay nghiêng đổ, thiên mê, chân-lý thì vi tế, tinh khiết và thuần nhất. Hãy cố ý thức trúng chỗ ấy và gìn giữ lấy.

Đại khái phương-pháp luận về nhận-thức quan của Đại-Học là như thế, trước hết là phải rèn luyện sự nội-tĩnh cho vững chắc và tinh nhuệ thì cái đức sáng của tinh-thần tự nhiên có, đồng thời sẽ có chân trí-thức.

Một khi đã biết điều khiển tư-tưởng, chúng ta bèn đứng làm một người khách bàng quan để quan sát những hiện-tượng ở nội-giới, do sự-vật bên ngoài kích động gây nên, khác nào như những làn sóng nổi lên trên mặt nước khi có cái gì rung động. Sự-vật bên ngoài xúc động chúng ta thì vô cùng, hết lớp sóng nọ lại kế tiếp lớp sóng kia, làn nước nhô lên lại đào ở đằng sau nó một làn hõm xuống, cứ nhô lên nhấp xuống liên tiếp không ngừng. Chúng ta nhận thấy rằng tuy sự-vật bên trong cũng như bên ngoài biến dịch không ngừng, nhưng không phải biến dịch một cách lúng túng, không có mạch lạc tương đối gì đâu. Trong sự vắn xoay ấy, vẫn có một hóa-điệu ví như bản nhạc có trăm ngàn thứ tiếng khác nhau mà tựu trung không rời bởi, vẫn điều hòa duy nhất. Cái gì nó điều hòa duy nhất ấy gọi là định-luật phổ biến. Vậy định luật là ý-tưởng về cái gì xảy ra có thứ tự trước sau, có hàng lối kế tục, bao giờ cũng như bao giờ ; thứ tự đồng thời hay trước sau là thời-gian, thứ tự trên dưới hay ngang hàng là thuộc về không-gian. Cái nào xảy ra trước là nguyên-nhân, cái nào xảy theo sau là kết-quả. Cái kết-quả này sẽ lại là nguyên-nhân của cái đến sau nữa.

Cứ như thế mà tất cả sự-vật trong vũ-trụ này biến dịch tiến hóa, không ngoài vòng của luật nhân-quả vậy : « *vật hữu bản mặt, sự hữu trung thủy* ». ⁶

Không có cái gì trong vũ-trụ có thể đứng biệt lập một mình cả. Hết thấy đều ràng buộc lấy nhau, mật thiết tương quan với nhau, gây thành một mối thống quan duy nhất, mà chúng ta quan niệm và diễn dịch ra lý nhân quả, duyên nghiệp, hay là cái lý bản-mặt, thủy-chung, gốc ngọn, đầu cuối vậy. Cái lý ấy cai quát các sự-vật trong vũ-trụ, không bỏ sót một sự-vật nào. Sự-vật hiện ra cho chúng ta là một chuỗi dây kế tục, liên tiếp những hiện-tượng. Này đây là cái cây, bộ-phận dưới có trước là gốc, bộ-phận trên ra sau là ngọn ; chính nó bắt đầu từ cái hạt gieo xuống đất, gặp điều kiện thuận tiện nảy nở ra cái cây non, đâm chồi, nảy lộc, trưởng thành, thành cái cây cổ thụ, đâm cành lá rườm rà, sinh hoa, kết quả, rồi trở về cái hạt để lại sinh sôi. Tự cái mầm nằm trong cái hạt là chỗ nguyên-thủy của cái cây, cho đến lúc kết quả để hạt là chỗ kết chung của nó. Đứng ở địa vị cái cây mà nói thì hạt là nguyên-nhân mà nó là kết-quả, đứng ở địa-vị cái hạt, thì cái cây lại là nguyên-nhân mà nó là kết-quả. Kìa như dòng nước, bắt đầu tự nguồn, tận chung ở bể, để rồi lại bốc lên hơi mà kết thành mây để gặp khí lạnh trên không-trung, đọng thành nước rơi xuống đất thành mưa, thấm xuống từng đất thành làn nước mạch để tìm xuất ra suối ra sông để chảy ra bể. Cả đến người ta, đây cũng bắt đầu, từ sinh-tế-bào để trưởng thành ra bào-thai, trở nên những tổ-chức phong phú phức tạp. Cho đến tư-tưởng của chúng ta cũng vậy, tinh-thần cũng tiến hóa trong

cái vòng nhân-quả, cái nọ kế tiếp cái kia, cái gì trước thì gọi là nhân, cái gì sau là quả.

Chúng ta đi tìm hiểu biết, tức là tìm thấu đáo cái lý nhân quả của sự-vật ở trong nội-giới cũng như ở ngoại-giới. Khi đã hiểu biết được lẽ trước sau, nhận thức được cái luật biến dịch tuần hoàn, *nguyên thủy phản chung*, như nói trong kinh Dịch, tức là đã có cái tri-thức chân chính, trí-tuệ đã luyện được đến cái đức thông suốt được vũ-trụ vậy. Khoa học thực nghiệm ngày nay người ta quen gọi là không-gian, thời-gian, nhân-quả vậy. Khi một tia chớp lòe ở góc trời, ít lâu sau, người ta mới nghe thấy tiếng sấm, và hàng trăm ngàn lần như thế cả, thì người ta quyết định rằng tia chớp là nguyên-nhân của tiếng sấm. Khi Galilée buông rơi hòn đá từ đỉnh cột cờ xuống đất và đếm những tích tắc đồng hồ xem mau chóng như thế nào, ấy là ông đã tìm sự tương quan của hai hiện-tượng, một cái thuộc về thời-gian, một cái thuộc về không-gian ; ấy là cũng để đi đến cái lý nhân quả trước sau vậy. Cả những hiện-tượng sinh-lý, tâm-lý, cũng không ra ngoài luật nhân quả. Thân-thể có nhẹ nhàng khang kiện thì tinh-thần mới sáng khoái minh mẫn. Trong lòng đang buồn bực, khi đến một hoàn-cảnh lộng lẫy thênh thang, thì tự nhiên buồn bực cũng đổi ra khoan khoái nếu không được mãi mãi, thì cũng không đến nỗi đau đáu trong lòng. Trái lại, luôn luôn nghĩ những tư-tưởng lương thiện, hay là làm những việc tốt thì dần dà gây một bầu không khí tốt lành bao bọc lấy mình, và vật lành lại thu hút sự lành, theo luật hấp-dẫn-lực tự nhiên, *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*.

Vậy tùy theo mục-đích người ta muốn đến, hoặc người ta lấy sinh-lý mà gây lấy tinh-thần, hoặc người ta lấy tư-tưởng mà ảnh hưởng ra sinh-lý. Đây, lý nhân quả phổ biến là như thế, và nó là trung-tâm đầu mối của tất cả tri-thức nhân-loại, cho nên mới nói : « *Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ* » ⁷. Biết được chỗ trước sau, lẽ nhân quả, thì đã gần đạt tới đạo lý rồi vậy.

Gần đạt được đạo lý vì đạo làm người hoàn toàn, ở xã-hội, không phải chỉ có đức sáng, trí thông hiểu sự-vật đã là đủ đâu. Trí-thức như đã nói ở trên mới chỉ là một phần nửa trong cái sứ-mệnh làm người. Đi đôi với trí-thức kia còn có cái tình thân-ái làm động-cơ cho hành-động.

Nhờ công phu tỉnh sát trên kia mà tìm ra lẽ bản-mặt, chung thủy, để biết trước sau, tức như bây giờ ta gọi là luật nhân quả, nhờ đây mà cách vật, nghĩa là xếp đặt sự vật ra thứ loại liên tiếp, biện biệt nguyên-nhân với kết-quả, từ bộ phận nhỏ đến khu-vực lớn cho tới toàn-thể sự vật, hết thấy đều suy diễn cho tới hệ-thống tương quan của nó, không sót một hiện-tượng nào đứng lẻ loi riêng biệt cả. Ví như Newton, nằm dưới gốc cây táo, thấy quả táo rơi, thì ông bị kích động, bèn tìm ra lý do của nó cho tới khi thấy tất cả các quả táo trong trường-hợp ấy đều rơi xuống cả, thì mới tạm hài lòng, nhưng vẫn thắc mắc, muốn hiểu nữa, cho đến bao giờ khám phá ra cái bí quyết của sự rơi ấy là do hấp-dẫn-lực trong vũ-trụ, nó làm cho vật nọ thu hút vật kia, bất cứ vật gì có chất-lượng đều thu hút lấy nhau như thế, mạnh hay nhẹ tùy theo sự xa cách. Ấy là phương-pháp suy diễn trong tinh-thần khoa học, một trong hai phương-pháp lý

luận chính của trí-thức khoa học vậy. Các trí-thức đều phải đi tìm từ chỗ riêng-biệt đến chỗ phổ-biến, từ chỗ phổ-biến đến chỗ đại-đồng ; trí-thức chân chính cũng không thừa nhận có lực ma quỷ nào nó ném quả táo kia rơi xuống được, vì như thế tức là nhờ đến một thế-lực ở ngoài can thiệp vào sự-vật. Tất nhiên cái lực ấy phải có ở tại quả táo. Ấy là thế-lực do lượng-chất sinh ra, tập trung ở cả trung tâm hấp-dẫn-lực trong quả táo vậy. Như thế nghĩa là nguyên-nhân phải tìm ở kết-quả hay là kết-quả chứa sẵn cái nguyên-nhân của nó. Tóm lại thì trí tuệ căn cứ vào hai nguyên-tắc : một là chúng ta có thể biết, bằng cách suy, từ cái riêng biệt, cái cá thể, hay là cục-bộ đến cái phổ-biến, và từ cái phổ biến đến cái đại-đồng ; hai là tìm sự giải thích của một sự-vật gì, cái nguyên lý của nó phải tìm ở chính nó không phải mượn sức ở ngoài nó, càng có thể như thế được bao nhiêu càng thỏa mãn bấy nhiêu. Cái kết-quả chỉ là cái nguyên-nhân ở một trạng thái khác, nguyên-nhân với kết-quả quân bình. Ấy là cơ-bản của lý thuyết khoa-học ở tiến-hóa-luận của Darwin và Lamarck. Ấy cũng là ý nghĩa của câu *nguyên thủy phản chung* trong kinh Dịch vậy. Trong vũ-trụ không thể có sự gì tự sinh, không có cái gì tự diệt, như nhà hóa học Lavoisier đã biện chứng : cái gì cũng có lý do cả, cái nguyên-nhân trở về cái kết-quả, cái chỗ bắt-đầu lại nối tiếp với chỗ kết-chung.

Vậy công việc cách vật, phải đi đến chỗ phổ biến đại đồng, suy biết được cái lý duy nhất, nó chi phối tất cả sự-vật trong vũ-trụ, thì mới đạt tới cái trí-thức hoàn bị, cái biết đến cùng, không còn nghi ngờ huyền hoặc một điều gì nữa.

Đây là « *Chí tri tại cách vật* »⁸ và « *vật cách nhi hậu tri chí* »⁹. Muốn biết đến chỗ cứu-cánh của sự biết thì phải lựa lọc xếp đặt sự-vật ra từng thứ loại, mạch lạc, theo hệ thống nhân quả ; và sự-vật một khi đã phân biệt xếp đặt có mạch lạc như thế, tức là kết liễu sự hiểu biết, mục-đích của trí thức vậy.

Sự hiểu-biết đã giải quyết được, một cách hoàn toàn rồi, thì người ta hết nghi ngờ và có sự tin tưởng vào chân lý, tất cả tư-tưởng của mình đều là những ý-nghĩ ngay thẳng, chính đáng, và như thế, là càng ngày mình càng làm cho các ý-tưởng chân thực, mình cố thực hiện ý-tưởng của mình, mỗi một ý tưởng là một hạt chân-lý, là một lực linh động của tinh-thần, chứ không phải là những ý-tưởng trừu tượng, lơ mờ, nông cạn. Một ý-niệm ví như một làn sóng nhỏ lăn tăn trên mặt bể tinh-thần ; chúng ta đứng ở bờ bể nghe những tiếng sóng đập vào chân đá ầm ầm, đào hõm vào thành những hang những hố lớn, gọt dũa mãi đến đổ cả một tầng đá xuống biển. Nhưng, đây là những lớp sóng lớn thì mới có cái sức mạnh ấy, và đến đây chúng ta mới nghe thấy tiếng đập ầm ầm của nó ; tuy nhiên, làn sóng lớn là do những làn sóng nhỏ lăn tăn, chúng ta không nghe thấy tiếng kia, nó tụ lại mà gây nên vậy. Ấy là ý-niệm của chúng ta cũng như thế đây, phải có công phu thực hiện, nhắc đi nhắc lại nhiều lần, tức là *thành ý*, thì nó mới có thể có được cái sức mạnh có thể ảnh hưởng ra thân thể, có thể cảm hóa được chung quanh mình. « *Cái gì quan-niệm kỹ càng thì diễn tả ra minh bạch* » – lời của văn-hào Pháp Boileau. Ở ngoại giới, với những vật hữu hình, chúng ta phải thực-

nghiệm, sự quan-sát của chúng ta bằng cách diễn lại những hiện-tượng, xét nghiệm nhiều lần rồi mới thừa nhận. Thì đối với ý-tưởng cũng phải có sự thực-nghiệm nội tại. Như ta tự bảo là ta không thiên tư ; thì ngồi một mình, ta thử làm như một người bàng quan mà xét xem có thực ta không thiên tư không ; và đối với các ý-tưởng khác, ta đều nghiệm xét như thế cả, cho đến khi nào tất cả tư-tưởng của ta đều thành thực như ý-tưởng « yêu cái sắc đẹp, ghét mùi hôi thối » là những ý-tưởng có lực kích động người ta, sai khiến người ta, bắt phải làm theo đúng như ý nghĩ. Có như thế mới gọi là biết đến cùng, và chỉ có thực-nghiệm mới là bằng chứng cho sự thật. Biết trong sự lý-luận, biết ở phạm-vi lý-thuyết chưa phải là biết, điều gì biết là có thể thực hiện được mới gọi là biết. Nhà đạo-sĩ Ấn-Độ viết : Ta biết chân-lý vì ta đã thành chân-lý « *You will know the truth because you have become the truth* ». Như thế, tri với hành tức là một vậy.

Bảo rằng : « *Dục thành kỳ ý, tiên chí kỳ tri* »¹⁰ và « *tri chí nhi hậu ý thanh* »¹¹ muốn làm thực ý-tưởng của mình, trước hết phải đi tới sự biết, và sự biết có tới cùng thì rồi sau ý-tưởng mới thành thực.

Ví như người bắn bia, nếu chưa nhận rõ kỹ càng cái đích mình muốn bắn, thì bắn làm sao trúng được. Một ý-tưởng như yêu sắc đẹp, nếu chưa biết rõ cái sắc đẹp như thế nào, thì tình yêu không có vật để tập trung, yêu vu vơ, làm sao cho ý-tưởng yêu kia có thể thực linh động được. Vả lại, một khi đã biết đích đáng một ý-tưởng rồi, biết tất cả các phương-diện của nó, tất cả nội-dung của nó, không chỗ nào

để sơ xuất, bấy giờ mới có sự tin-chắc mà không nghi ngờ, không đắn ý, tự nhiên bao nhiêu năng-lực của tinh-thần ngày đêm chuyên chú tập trung vào đấy, có thể quên cả ăn, cả ngủ được, như thế thì ý-tưởng ấy phải trở nên thành thực, linh-động, tự bên trong nội-giới tinh thần sẽ biểu hiện ra ngoài thân thể, biến hóa cả thân thể đi vậy. Những ý-tưởng như thế là những ý-tưởng-lực, có thể ảnh hưởng ra khắp chung quanh mình như là một lò than hồng sưởi ấm một khu-vực đang lạnh lẽo vậy.

Cho nên Tăng-tử nói : « *Phú nhuận ốc, đức nhuận thân, tâm quảng thể bàn, cố quân-tử tất thành kỳ ý* » ¹² : Giàu sang làm cho-nhà cửa sáng sủa, tâm lực làm cho thân thể đẹp đẽ, lòng thênh thang thì cử-chỉ khoan thai. Cho nên người quân tử là người am hiểu đạo-lý bao giờ cũng chú ý đến sự thực-hiện ý-tưởng của mình. Câu nói không phải không xác thực vậy.

Vì người ta thường nhật hay tự mình dối mình, tưởng mình như thế này như thế kia, kỳ thực chỉ là hoài-bảo, hay là có tật xấu lại tìm cách che đậy cả mình nữa, chứ không dám có can-đảm tự nhìn vào sự thật để tu sửa. Tinh-thần đốc thực, không e sợ sự thật, không tự đắc tự phụ hay là sơ suất cầu thả trong ý-nghĩ cũng như trong việc làm. Muốn tiến tới, cùng với vạn vật cùng tiến hóa không ngừng, tinh-thần càng ngày càng phát triển về các năng khiếu, về trí-lực cũng như về tình-cảm, tất nhiên phải nên coi mình như không bao giờ đầy đủ cả. Nếu tự mãn, tự túc, thì còn để cho cái gì vào thêm được nữa, há chẳng phải là tự dối, tự lừa mình đấy ư ? Kẻ tiểu nhân ngồi không, không biết xét mình

để sửa lỗi, không biết bờ bến của chân-lý và đạo-lý là đâu, u u mê mê, tự giam trôi mình trong vòng nô lệ của sự vật ; bạ cái gì làm cái nấy, bạ đâu nói đấy « điếc không sợ súng », không có gì là kính nể, coi ai cũng như ai, ngang ngang tự đắc, gặp người hay người tốt hơn mình mười mười cũng mần thình như là mình đã thừa thãi, đã biết hết, đã đủ cả rồi, khoe khoang cái tài, cái đức mình không có, giấu diếm cái độc ác, cái tính xấu mình có đi. Nhưng ở xã-hội, đối với những con mắt thức giả thì người ta có xét ở lời nói ngoài miệng đâu, người ta chưa cần nghe mình mà đã nhìn thấu tận đáy lòng mình, người ta đã « đi guốc vào trong óc » như lời nói phổ thông. Vậy có ích gì mà giả dối như thế ? Nếu thực mình hay mình tốt, thì mình hái quả tốt quả hay cho mình và nếu mình xấu mình dở thì mình hái quả dở quả xấu, nếu mình không chịu tu sửa thì mình cứ lặn mãi xuống dốc, càng ngày càng trụy lạc, bởi vì sự-vật không cái gì không vận chuyển, nếu không tiến thì tất là thoái, chứ không thể đứng yên mãi một chỗ được. Vậy đừng mong che đậy sự thật ở xã-hội, nhất là sự thật của tâm-linh, rất có quan hệ đến hành-vi, đến diện-mạo, và chính lại là cái mà ở xã-hội người ta rất chú ý, rất nghiêm ngặt, như lời Tăng-Tử nói : « *Thập mục sở thị, thập thủ sở chí, kỳ nghiêm hồ* » ¹³ . Nơi mười mắt nhìn vào, mười ngón tay trở vào, nghiêm ngặt lắm thay.

Cho nên thành ý là một sự rất quan hệ cho người học thức, vì người ta biết rằng tinh-thần và thân-thể mật thiết tương quan với nhau. Cái ý-nghĩ gì mà được nuôi ở trong lòng nhật tắm nguyệt ti, dần dà đã có sức thực hiện rồi thì

nó tự trong tâm-hồn xuất hiện ra ngoài thân-thể, diện-mạo không sao ngăn cản được. Vậy người biết đạo-lý luôn luôn nội tỉnh, tự soi xét lấy mình khi ngồi không một mình, không để cho những tư-tưởng gian tà nó tiêm nhiễm vào, và đột nhiên, một ngày kia thấy nó bùng khởi, với một sức mạnh không sao cản trở được nữa. Bấy giờ nó xô đẩy mình như trôi theo dòng nước. Ấy sở dĩ tại sao mà người quân-tử phải luôn luôn « *thận kỳ độc* »¹⁴. Thận kỳ độc để nội tỉnh, chứ không như tiểu nhân « *nhàn cư vi bất thiện* ». ¹⁵

Nhưng muốn làm cho ý-tưởng mình thực hiện và linh động thì trước hết phải giữ cho tâm-hồn đúng mực chính trung. Tâm với ý tương quan với nhau, như hình với bóng, vì tâm đây chỉ cái ngôi chủ của thân mà ý là tác-động. Nếu tâm không đứng ở vị-trí trung chính, đúng mực, thường tại của nó để cho các tình-cảm như mừng, giận, thương, vui, ghét, muốn, nó vọng động, lôi kéo, xô đẩy, thì khác nào như mặt nước bị sóng gió quấy rối làm mất sự phẳng lặng trong suốt như gương, thì ý không thể thực hiện được cái gì rõ rệt phân minh, vì tinh-thần không có đích nhất định để mà tập trung nữa. Cho nên bảo rằng :

« *Thân hữu sở phần sí tắc bất đắc kỳ chính, hữu sở khùng cụ tắc bất đắc kỳ chính, hữu sở hiếu lạc tắc bất đắc kỳ chính, hữu sở ưu hoạn tắc bất đắc kỳ chính* ». ¹⁶

Bởi vì tình-cảm cũng như là ý-tưởng không phải là tâm chủ thể, chúng là những tác-dụng của tâm ví cũng như thân thể, nhưng mà khinh thanh hơn một bậc mà thôi. Khi chúng ta ngồi trong buồng học, hay là khi ta đương mài đánh ván

cờ, trong lúc ấy, nếu có những tiếng gọi, hoặc giọng hát ngọt ta cũng chẳng nghe thấy gì hết. Tại sao vậy ? âm-thanh vẫn rung động không-khí, ba-âm vẫn truyền vào tai là cơ-quan thính giác, tai vẫn đưa vào thần-kinh-hệ, thần-kinh-hệ vẫn đưa vào não-bộ, não-bộ vẫn đưa vào ý-thức nhưng tâm không để vào đấy, cho nên không nghe thấy vậy « *Tâm bất lại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị* ». ¹⁷

Ý-thức cũng chưa phải là chủ thể, nó đưa ấn-tượng lên cho trí-tuệ để trí-tuệ phân biệt, nhận định. Nhưng trí-tuệ cũng chưa bảo ta cách phản ứng lại với tin ở ngoài vào, với ấn-tượng từ giác-quan-đem tới. Vậy trí-tuệ cũng chưa phải là chủ-thể. Cho nên muốn chính tâm thì từ ngoài vào ta phải làm cho thực hiện những tình-cảm của ta cùng các cơ-quan cảm giác cho đến ý-tưởng lẫn trí-thức. Trái lại, tâm chủ thể đã ở vị-trí chính của nó, đã thực đúng mực chính trung thì nhận và cảm giác mới chân thực, vì tâm không thiên lệch, phản ứng với ngoại vật một cách trúng tiết không sai lạc. Vậy, muốn chính tâm, phải thành ý vì ý có thành thực rồi thì tâm mới được trung chính « *dục chính kỳ tâm, tiên thành kỳ ý* » ¹⁸, và « *ý thành nhi hậu tâm chính* ». ¹⁹

Tâm đã là chủ-thể toàn thân của ta, chủ những giác-quan, chủ những cảm-giác, chủ cái trí-thức, chủ cái trí-tuệ, chủ tất cả hiện-tượng nội giới lẫn ngoại giới của ta, thì hẳn rằng giữ tâm cho chính đúng mực thường, không để cho kẻ dưới nó lôi kéo sai khiến đi sai đường phải, sai luật tiến hóa đương nhiên của toàn thể, ấy là sự tối quan trọng trong

phép tu thân vậy : *« dục thành kỳ thân, tiên chính kỳ tâm, tâm chính nhi hậu thân tu ».*²⁰

Tất cả công-trình tu thân là nhằm cái đích làm cho tâm trung chính, cái tâm chủ tể của thân, chỉ huy và chi phối cả trí lẫn tình, cả thể-chất lẫn tinh thần, chứ không phải cái tâm, theo ý-nghĩa thông thường, là tình-cảm. Vậy chính tâm, tức thì đồng thời, phải có cái trí-thức chân thực lẫn bầu tình cảm ngay thẳng hướng dẫn vào đường thiện. Ấy là mục đích của sự minh minh-đức, của sự học làm người, học rèn luyện cho mình, hoàn toàn bằng phương-pháp rút ở khoa tâm-lý thực nghiệm, mà kết-quả là vừa tu sửa lấy tinh-thần thành một khí-cụ nhận thức tinh nhuệ, tức như ngày nay người ta gọi là cái ý-thức tri giác, và vừa luyện sự tự-chủ, lấy tinh-thần điều khiển thân-thể làm chủ vật-chất chứ không để vật-chất nó lôi kéo, nó nô-lệ-hóa con người.

Nhà đạo-sĩ Ấn-Độ bắt đầu khoa thiền-học với câu : *« Ai để cho cảm-giác sai khiến là trần-tục, là một kẻ nô-lệ » (He whose senses rule him is worldly a slave – Raja yoga I Vivekananda).*

Ở Lễ-ký, thiên-nhạc vận, cũng có đoạn nói về sự tương-quan giữa tinh-thần và vật-chất :

*« Vật chí tri tri, nhiên hậu hiếu ố hình yên, Hiếu ác vô tiết ư nội, trí dụ ư ngoại. Bất năng phản cung thiên lý duyệt hĩ, phù vật chi cảm nhân vô cùng, nhi nhân hiếu ố vô tiết, tắc thị vật chí nhi nhân hóa vật giả, nhân hóa vật giả giả, duyệt thiên lý nhi cùng nhân dục giả giả ».*²¹

Sự-vật đưa tới ý-thức tri giác, trí-thức phải nhận biết thì sau sự yêu ghét mới hiện ra. Sự yêu, sự ghét, không được điều khiển hẳn hoi tự trong lòng để cho ngoại-vật lôi cuốn, phiếm tán đi mất, không thu trở về được nữa, thì chân lý mờ tắt vậy. Than ôi ! sự-vật cảm kích người ta nhiều vô cùng, mà tình cảm, như yêu ghét của người ta, không thể điều khiển ước thúc, thì khi sự-vật xúc động đến, người ta trôi theo và nô-lệ-hóa cho vật-chất vậy. Loài người đã hóa thành vật vô tri vô giác, thì còn đâu là đức sáng của chân-lý, mà tình-cảm cũng tắt.

Chúng ta đứng giữa trào-lưu sự vật, tinh-thần chúng ta cũng như thân-thể là hai trường biến dịch không ngừng của thế-lực, luôn luôn dao động với nhau không gì ngăn cản được cả. Vậy thì chỉ có hai đường, một là ta làm chủ được những thế-lực ấy, điều khiển được chúng vào mục-đích chí thiện, thì ta sẽ tiến tới hạnh-phúc và tự-do sẽ về ta ; hai là ta để cho những thế-lực ấy lôi cuốn, nó nô-lệ-hóa ta, thì ấy là con đường trụy lạc, dốc vật chất, và càng ngày ta càng thấy đau khổ, vì sự trói buộc càng ngày càng chặt chẽ, và, ta sẽ gây nên tai-họa chung quanh ta nữa. Cho nên sự-vật xúc động vào lòng ta, gây nên những ba-động tình cảm, ví như mặt nước đang yên lặng có hòn đá ném vào thì những lớp sóng mới nổi lên. Ta phải luôn luôn giữ cho tâm trí sáng suốt, đứng ở địa-vị khách quan ngoài cuộc, ngoài trào-lưu, tức là giữ cho tâm chính để mà nhận xét giường mỗi tương quan, trật-tự trước sau, gốc ngọn, đầu cuối của nó thì mới điều khiển được những ba-động tinh thần vậy.

Bảo rằng : « *Dục tu kỳ thân tiên chính kỳ tâm, dục chính kỳ tâm tiên thành kỳ ý, dục thành kỳ ý, tiên chí kỳ trí, chí trí tại cách vật* »²². Và : « *vật cách nhi hậu trí chí, trí chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu* ».²³

Ấy là trình-độ, thứ-tự, hợp lý và thiết thực, như người ta đã thực nghiệm.

Đến đây, từ cách-vật đến giai-đoạn thân tu, tức là chương-trình minh minh-đức, biên-giới đời sống nội tại cá nhân, đời sống tư duy ; còn tự tu thân trở xuống là thuộc về cuộc đời hành động trong xã-hội, sự tương-quan của cá nhân với nhân-quần, của phần-tử với toàn-thể nhân loại, tức là chương-trình thân dân, đem cái sở-đặc của nội-tĩnh, cái công-trình minh minh-đức, cái đức đã thực hiện được ở mình mà ảnh hưởng ra nhân-quần xã-hội, áp dụng cho cuộc nhân-sinh.

Ấy chính đạo học ở cổ Đông-Phương hoàn bị như thế. Cái học ấy lấy lý-tưởng của sự tu-thân, ở sự thực-hiện cái mình hoàn toàn về các phương-diện, về các năng-khiếu tự nhiên. Cái trí-thức nó tìm là cái trí-thức tâm linh, hợp nhất cả lý-trí thực nghiệm lẫn tình-cảm linh thông. Ngày nay khoa-học Thái-Tây lấy trí-thức làm cứu-cánh, nhằm mục-đích tìm hiểu sự-vật để làm chủ những thế-lực tự nhiên. Mục-đích của sự học như thế cũng thực là chính đáng. Song, thế-lực tự nhiên không phải chỉ ở ngoại-giới sự vật, chúng còn chính là những hiện-tượng trực tiếp của sinh-lý ở thân-thể, và của tinh-thần ở nội-giới chúng ta nữa kia, và

có làm chủ được những thế-lực ấy mới là chí thiện, vì như thế mới điều-khiển được cuộc đời mình, theo ý muốn tối cao tuyệt mỹ vậy. Ấy chỗ khác nhau giữa Đông-Tây chỉ ở đây. Một đảng học để thực hiện cái chí-thiện, cái hoàn-toàn, một đảng học để thấu đáo chân-lý nhất diện. Một đảng tìm quyền năng, một đảng tìm hạnh-phúc. Khổng-Tử mở đầu thiên « học nhi » nói với đệ-tử : « *Học nhi thời lập chí, bất diệc duyệt hồ, hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ, nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân-tử hồ* ». ²⁴

Đây cái lý-tưởng về sự học tu thân xưa kia ở xã-hội Đông-Phương đẹp đẽ như thế và cần thiết cho sự an-toàn của xã-hội lắm, cho nên từ trên xuống dưới, từ vua chí dân đều đua nhau mà học, lấy sự tu-thân làm gốc cho cuộc đời. Cho nên : « *Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản* ». ²⁵

Bởi vì cổ-nhân, do luật nhân-quả đại đồng mà suy biện rằng : nếu mong cho cái ngon là xã-hội nhân-loại được an toàn ai cũng có thể vui với nghề-nghiệp của mình, an cư lạc nghiệp, người nào hết nhiệm-vụ của người nấy, thì điều cốt-yếu là phải vun xới cho cái gốc, là thân mình, có bản-lĩnh chắc chắn, có nhân-cách hoàn bị trước đã. Người ta thường nghiệm thấy rằng, ví như cái cây, nếu gốc mục nát thì cành lá cũng khó mà tốt tươi, hoa quả có kết được chăng cũng không có thể ngon lành được ; xã-hội đối với phần-tử cá-nhân cũng thế, muốn được phồn-thịnh, yên-vui, hòa-bình, trật-tự, thì trước hết phải tu sửa từ gốc trở lên là bản-thân mình đã, trong lòng mình không rối loạn, thì hành-vi của

mình mới không điên đảo và không ảnh hưởng tai hại ra chung quanh mình được.

Ở xã-hội nông nghiệp Á-Đông, thì gia-tộc là một đơn-bản-vị tổ-chức bao trùm lấy cá-nhân. Cá-nhân sống một phần lớn qua gia-tộc, lấy gia-lộc làm cá-thể chính của mình, vì gia-tộc là nguyên-thủy phôi thai của tổ-chức xã-hội loài người, trước khi tiến đến tổ-chức quốc-gia và quốc-tế. Cho nên con người, trước khi sống cho đại đoàn-thể quốc-gia và nhân-loại, cần phải tập sống cho tiểu đoàn-thể tự nhiên của mình đã, tức là gia-tộc.

Sự hy-sinh cái « mình » đi cho kẻ khác bao giờ cũng là bước đầu trên con đường luân-lý hay đạo-lý. Không một nền luân-lý hay đạo-lý nào lại không lập cước trên lòng xả-kỷ. Và, hy sinh cái « mình » cho người thân thích là một điều dễ dàng hơn hết. Có thể hy sinh cho người thân cận, rồi mới nói đến hy sinh được cho người thiên-hạ. Cho nên gia-tộc là trường tập-sự đầu liên của lòng xả-kỷ, của sự tiêu-diệt cái bản-ngã nhỏ mọn, ví như vũng bể là trường tập-sự cho các dân thủy thủ lành nghề trước khi vượt biển ra khơi, vùng vẫy trên trùng-dương, đại-hải. Ấy là ý-nghĩa đạo hiếu, để, từ, nhượng, khi con người còn tại gia vậy.

Gia-tộc thành lập trên tình yêu, chứ không phải do sự suy-luận, điều-đình, mà họp thành, cũng như xã-hội cũng chẳng phải, theo như xã-hội-học của Lư-Thoa, là do xã-ước của một số đông nhân dân sau khi thảo luận rồi, mới lập nên đâu. Nó là sự tiến-triển tự nhiên của nhân-loại trong những điều-kiện thực tế của tinh-thần và vật-chất ; thì gia-tộc cũng vậy. Thoạt mới sinh ra, thì tình mẫu tử là tình yêu

trước nhất mà người ta cảm thấy đã. Người mẹ mang nặng trong lòng cái bào-thai cho đến khi sinh đứa con, tưởng chừng như xẻ một phần thân-thể của mình ra vậy. Trước khi đi lấy chồng, người con gái đã có sẵn cái tình mẫu-tử tự nhiên, như là một bản-năng, cho nên phụ-nữ, chưa được trải qua tình mẫu-tử, thì hình như là một sự thiếu-thốn trong sự tiến-hóa đầy đủ của con người. Người con đối với mẹ, cũng vậy, ngay từ lúc mới đẻ ra, đã có cái gì, như là một lực nó hấp dẫn nó vào với mẹ nó. Ấy gia-tộc do từ cái tình cốt-nhục tự nhiên của mẹ con mà xây dựng nên, rồi sau mới có những điều-kiện khác, như kinh-tế, văn-hóa, hay chính-trị, nó làm thay đổi đi dần dần vậy.

Người ta sinh ra, ai cũng biết yêu mình, lòng ái-kỷ là đầu bản-năng bảo tồn. Trước hết, người ta tìm bảo tồn lấy thân-thể và bảo tồn tất cả cái gì thuộc về bản-thân mình tức là dòng huyết-thống của mình, do đấy mà bản-năng tồn tại bắt đầu từ tình phụ phụ « *Quân tử tạo đoan hồ phụ phụ* »²⁶ đạo làm người bắt đầu từ tình vợ chồng – và xuất hiện vào gia-tộc – rồi người ta tiến đến sự bảo-tồn cho tinh-thần, và sau hết, người ta đạt tới sự bảo-tồn cho tâm-linh người ta. Tùy tính-cách của vật người ta bảo tồn, mà tình yêu thay đổi tiến hóa theo. Tình yêu chân thật có ba tính-cách cơ bản, là, không dung có sự mặc-cả bán mua, vì như thế, là yêu vị lợi ; không dung có sự sợ-hãi, vì sợ hãi mất tình thân-thiết ; không dung có sự so-sánh, suy-bì, vì so sánh thì không chuyên nhất. Yên nên tốt, ghét nên xấu, tình yêu hay thiên mê, nhưng có thiên mê thì mới thành thật, cho nên « *Hiển nhi tri kỳ ác, ố nhi tri kỳ mỹ giả, thiên*

hạ tiến hĩ » ²⁷. Yêu ai mà biết được cái xấu của người ấy, ghét ai mà biết được cái hay, cái tốt của người ta, thì ở thiên-hạ ít có lắm vậy.

Bởi vì tình yêu hay chủ quan như thế, cho nên giữ sao khỏi thiên mê mới là sáng suốt. Thường tình thì :

« Nhân chi kỳ sở thân ái nhi tích yên, chi kỳ sở tiện ác nhi tích yên, chi kỳ sở úy kính nhi tích yên, chi kỳ sở ai căng nhi tích yên, chi kỳ sở ngao nọa nhi tích yên ». ²⁸

Người ta có chỗ thân yêu mà tâm chủ tế thiên lệch đi, có chỗ khinh ghét mà thiên lệch thất chính đi, có chỗ kính sợ mà thiên lệch thất chính, có chỗ xót thương mà thiên lệch thất chính, có chỗ lêu lổng lừa dối mà thiên lệch thất chính. Ấy, tình-cảm không hướng dẫn sáng suốt thì dễ làm cho người ta thiên mê, và thiên mê, tuy thành thực, nhưng cũng gây ra nhiều tai-vạ, vấp-ngã, cho mình và cho mọi người chung quanh mình. Lòng tự-ái làm cho người ta không còn nhìn thấy chỗ khuyết-điểm của mình để sửa chữa, luôn miệng trách người, làm mất cả tình hòa-hảo với chung quanh mình. Cái gì của mình, cũng tốt, cũng đẹp, hoàn bị hơn người, con mình có nết xấu rành rành, mình cũng chẳng nhìn thấy, như ngạn-ngữ nói : *« Mạc tri kỳ tử chi ác, mạc tri kỳ miêu chi thạc »* ²⁹. Người ta, chẳng ai biết tính xấu của con, chẳng ai nhìn thấy cây lúa của mình lớn. Bởi vì lòng thiên-ái, như đám mây mù, che lấp mất sự thật. Đã u mê như vậy, thì làm sao mà xếp đặt được trong nhà cho có trật-tự ? ở địa-vị cha mẹ đối với các con, không cùng một lòng từ, mà lại con yêu, con ghét, con trọng, con khinh,

thì ắt có sự ghen-tị giữa các con, mà trong nhà sẽ rối loạn. Cho nên, muốn trị gia, đứng làm mực-thước cho người trong nhà, tất phải lấy phép tu sửa thân mình làm trước hết, vì ở kẻ thân đã tu sửa, thì tâm người ấy ngay thẳng, chính trung, biết khách quan đối với mình và khách quan đối với người thân yêu của mình, tinh-thần sáng suốt, luôn luôn tự chủ, không để cho vật-dục nó sai khiến. Song, sự-vật trong vũ-trụ không cái gì là không thay đổi, biến dịch không ngừng, thì đạo tình ái ở con người ta, cũng không thể ngừng tiến triển, ở thân mình hay ở người nhà mình, lấy làm cứu-cánh. Nó phải theo luật tiến-hóa chung, hễ ngừng là chết, là thoái hóa. Ví như dòng nước bắt nguồn từ kẽ núi, trưởng thành, mở rộng qua suối, qua ngòi, qua sông, qua bể, để lại biến thành hơi, thành mây mà trở về với núi. Vậy tình thân-ái không thể tận cùng, ngừng trệ, trong ao tù nước đọng là gia-tộc. Gia-tộc là trường tập-sự, trong ít lâu thôi, rồi nó lại phải rời cái lý-tưởng tạm thời ấy đi, mà theo đuổi cái quá-trình lịch sử của nó, nghĩa là nó phải mở rộng ra đến làng, đến nước, cho chí thiên-hạ, nhân-loại, cùng vũ-trụ đại đồng. Đến đây mới là mục-đích cùng tốt của đức ái.

Nếu sự thật ở thiên-hạ cùng một luật chung chi phối, cái gì thực cho một phần-tử cũng sẽ thực cho cả toàn-thể, và trái lại, cái gì thực cho toàn-thể cũng sẽ thực cho một thành-phần, thì trước khi muốn trị quốc, nghĩa là xếp đặt trật-tự, điều khiển và duy trì các tầng lớp nhân-dân trong một nước, thì phải hiểu biết và có thể giáo hóa được ở trong một nhà. Và chính là ở nhà mình đã. Một nước dù có những phương-pháp chính-trị tuyệt khôn khéo, năng-lực kinh-tế dù

phồn thịnh đến đâu đi nữa, nếu nhân-tâm không tốt, nhân dân không giáo hóa, thì nước ấy cũng không thể bình an thịnh trị được. Bảo rằng thế-lực kinh-tế chi phối mọi sự, điều ấy có thực, bởi vì còn gì mạnh bằng lấy tài lợi mà phỉnh nịnh vật-dục ở con người, xô đẩy nó xuống theo đường dốc vật-chất ? Nhưng, nếu nhân-tâm trong một nước chỉ biết xô theo vật-dục, trên dưới giao dịch với nhau chỉ để tranh giành quyền-lợi, đến nỗi người có ít giết kẻ có nhiều, lòng tham không đáy, thì nước ấy có thể an toàn yên ổn được chăng ? Các nước Tây phương hiện nay, về phương-lược cơ trí chính trị có thừa, về kỹ-thuật kinh tế không thiếu, vậy mà, nhân-dân ở đấy có được an toàn thịnh trị không ? Hay là hết họa giai-cấp đấu tranh ở trong nước, thì lại đến họa chinh-chiến lẫn nhau, hết chinh-chiến với nước lân bang, lại chinh-chiến khắp trong thế-giới, chỉ vì lòng tham vô đáy, tình-cảm kiệt cùng vậy. Cho nên điều kiện chính-trị và kinh-tế có thể coi là phương-tiện, mà, văn-hóa mới là điều-kiện căn bản trong thuật trị quốc. Nhân-tâm trong một nước cần phải lấy giáo-hóa làm đầu ; giáo-hóa đã phổ cập và ăn sâu vào lòng người rồi, thì các phương-pháp tu bổ nền thịnh-trị đều có kết-quả tốt đẹp. Nhưng nói đến giáo-hóa nhân tâm thì không gì bằng đức thành thực, vì giáo hóa nhân tâm, không thể chỉ theo đuổi mục-đích trí thức về vật-lý, mà chính là lấy đức hóa lòng người, làm cho người ta ai cũng có cái trí-thức tâm linh, giác ngộ con đường thiện. Các đức tính tốt, đã thực nghiệm, có hiệu-quả ở trong nhà, với một thiểu số người thân thích gần mình, thì đều có ảnh-hưởng tốt, tràn ra ngoài phạm-vi gia tộc mà lan ra tới

người trong nước, và nếu đem dùng vào việc nước, đều có hiệu-nghiệm cả. Cho nên bảo : « *Bất xuất gia nhi thành giáo ư quốc* »³⁰. Người có đức, không ra khỏi nhà, mà cũng ảnh hưởng được tới người trong nước. Bởi vì, khoa-học tâm linh thì, không phải người nọ có thể đem lại cho người kia được, không ai có thể học ai được cả, mọi người đều sẵn có căn-bản tiềm tại ở mình, tự phải giác ngộ lấy, người thầy học tâm-linh, chỉ là người có cái tâm-linh kia đã thực hiện, tức là người có đức thật, nhờ đó mà gây, cho những người chung quanh, cơ-hội để tự họ thức tỉnh cái tâm-linh của họ mà thôi. Tâm-linh, ở con người, ví như lửa trong đá lửa, chờ cơ-hội hai hòn đá đập vào nhau thì tia lửa sẽ bật lên. Vì thế, cho nên trong một nước mà có một nhà thật có đức nhân hay đức nhượng, thì ấy là một động-lực để gây cơ-hội, cho cả nước, thức tỉnh về đạo nhân, hay noi theo đức khiêm tốn, nhường nhịn, tự thấy sự tranh-đoạt làm xấu. Trái lại, nếu có một người hung tàn, tham nhũng, không bị trừng phạt mà vẫn ngang nhiên tự đắc, thì nhân tâm nước ấy, cũng lung lay, và, sớm chầy a dua theo sự rối-loạn. Ấy sự giáo-hóa nhân-tâm tế vi như thế, chỉ một lời nói có thể làm hồng cả việc lớn, chỉ một người có đức, cảm hóa được nhân-tâm, có thể bình trị được cả một nước đang rối loạn :

« *Nhất gia nhân, nhất quốc hưng nhân ; nhất gia nhượng, nhất quốc hưng nhượng ; nhất nhân tham lệ, nhất quốc tác loạn ; kỳ cơ như thử, thử vị nhất ngôn phần sự, nhất nhân định quốc* ».³¹

Vậy thành thực với dân, là đầu mối trong việc trị-quốc. Chỉ là không thực lòng yêu thương dân mà thôi, chứ thực có lòng với quốc-dân, như yêu thương đứa con đỏ, thì lo gì dân không theo để phò giúp mình làm việc nước, lo gì không biết cách trị-quốc, an-dân. Cốt yếu là có lòng thành thực đã, không chỉ vì danh-lợi, không chỉ vì quyền-thế hay bất cứ cái gì khác mà có, vì nhân-dân chung sống, chung chết, cùng sướng, cùng khổ. Kìa như thiên Khang Cáo nói : « *Như bảo xích tử tâm thành cầu chi, tuy bất trúng bất viễn hĩ Vị hữu họ ; dưỡng tử nhi hậu giá giả dã* » ³². Thành thực, không gì hơn lòng yêu con đỏ của người mẹ ; tâm-thành, của người mẹ đối với con, làm cho người mẹ cảm thông được với cả thân-thể của đứa con, cho nên, tuy không học cách thức nuôi con bao giờ, khi còn là người con gái, vậy mà khi lấy chồng, đẻ con, đã biết nuôi con, tuy không hợp phép lắm, nhưng cũng không sai là mấy, vì luôn luôn cảm thấy nhu-cầu của con. Ở địa-vị một ông vua trị vì cả nước cũng thế, nếu có lòng thành-thực với dân thì không dân nào không theo. Kìa như vua Nghiêu, vua Thuấn, ngày xưa, lấy đức nhân mà dìu dắt thiên-hạ, thì thiên-hạ đều theo, vì chính mình nhân đức. Cả đến vua Kiệt, vua Trụ, lấy sự cường-bạo mà dắt dẫn thiên-hạ, thì thiên-hạ cũng đều theo, vì chính Kiệt, Trụ, có ở lòng mình, sự yêu cường-bạo. Nhưng, nếu lòng mình không thành thực với điều mình phát ra, miệng truyền ra những lệnh gì mà chính bụng mình lại nghĩ khác, thì lệnh ấy bất lực, và dân không tuân theo lâu bền :

« Nghiêu, Thuấn, sùy thiên-hạ dĩ nhân, nhi dân tòng chi : Kiệt, Trụ, sùy thiên hạ dĩ bạo, nhi dân lòng chi. Kỳ sở lệnh phản kỳ sở hiểu, nhi dân bất tòng ». ³³

Ấy sự thành-thực quan hệ cho tâm-linh, đạo-đức, như thế đấy, dù áp dụng vào chính-trị, nghĩa đen là dắt vào con đường chính, nếu không thành thực với quốc-dân tức là lừa dối dân, vì quyền-lợi đảng phái là con đường thiên mê, sớm chầy quốc-dân tỉnh ngộ, sự thật tỏ tường, thì liệu quốc-dân có theo nữa không ? Cho nên người lý-tưởng ở đạo Nho, khi hành động trong phạm-vi trị quốc, phải lấy đức nhân lòng thứ làm căn-bản. Có lòng thứ thì mới cảm thông, thấu đáo lòng dân, và cảm được lòng người thì mới biết đường mà ra chỉ-thị cho đúng với nguyện-vọng của dân, và đồng thời, biết trông lên, hướng thượng vào chính-đạo là con đường hạnh-phúc chung của toàn thể. Như thế dân mới vui lòng tuân theo và sẽ không ta oán về sau :

« Thị cổ quân-tử hữu chư kỷ, nhi hậu cầu chư nhân, vô chư kỷ nhi hậu phi chư nhân, sở tàng hồ thân bất thứ nhi năng dụ chư nhân giả, vị chi hữu giả ». ³⁴

Cho nên người quân-tử là người biết đạo-lý của vũ-trụ, trước khi mong muốn ở người điều gì thì phải có ở tại thân mình đã, và trách người điều gì thì chính mình cũng phải không có điều ấy đã. Người ta, chưa từng thấy có ai có thể dẫn dụ người khác vào điều gì mà chính ở lòng mình không dung được bao giờ vậy. Lĩnh-đạo quần chúng cần phải thâm hiểu, và tiên liệu lòng người, đi trước dân-ý, cũng như câu nói của nhà văn hào Pháp R. Rolland, nhắc lại lời của một

nhà đại hành-động chính-trị thời nay là Lénine « *It faut s'identifier avec les forces élémentaires de la masse* », phải đồng thể với nguyên lực-động-cơ những nguyện-vọng tiềm tại của quần-chúng. Đây là lòng thứ, nghĩa là lấy lòng mình mà ước đặc được lòng người vậy.

Lòng thứ ấy bắt nguồn ở tình thân-ái. Có thực thân yêu, như mẹ hiền yêu đứa con đỏ, thì mới đồng thể được lòng nhau. Cho nên bảo, phải tề gia rồi mới trị quốc, vì đạo Nho, đem đạo học dùng vào việc chính-trị, căn cứ vào tình yêu đại-đồng và sự hiểu-biết tâm-lý quần-chúng. Phàm những đức tốt, thực nghiệm trong nhà, như đức hiếu giữa con với cha mẹ, đức đễ giữa em với anh, đều phải mở rộng ra cho làng nước. Thời quân-chủ thịnh hành, người vua lý tưởng, đối với dân cũng có cái tình như cha con, người cao tuổi, với kẻ ít tuổi hơn, cũng có cái tình như anh em vậy. Và người trên điều khiển người dưới, bao giờ cũng có lòng nhân-tử như cha đối với con. Nhất thiết đều dụng tình bên trong cả. Như thế không phải là không biết có lý-trí đâu. Ngoài thì là lý mà trong là tình. Nhưng, cái tình sáng suốt, có điều khiển, chứ không phải thiên mê, phóng túng. Xưa nay, phần đông anh-hùng hào-kiệt, đều xuất ở những nhà có gia-giáo, vì hoàn-cảnh ảnh hưởng vào tính-chất người ta rất là thâm thiết, mà nhất là khi con người đang thời thơ-ấu, niên-thiếu. Kinh Thi hay ca tụng bà vợ Văn Vương là người phụ-nữ kiểu-mẫu. Bởi vì địa-vị người phụ-nữ rất quan hệ, trong sự đào-tạo ra con hiền, duy-trì nền-nếp trong nhà, can-ngăn chồng điều tà và khuyến-khích vào đường chính. Trong một nước mà có nhiều phụ-nữ hay mẹ từ, thê hiền, thì nước ấy

tất lẫn anh-tài, hào-kiệt, văn-hóa phải thịnh và dân-khí phải cao :

*« Đào chi yêu yêu, kỳ riệp chẵn chẵn, chi tử vu qui nghi kỳ gia nhân. Nghi kỳ gia nhân nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân. Nghi huynh nghi đệ, nghi huynh nghi đệ nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân ».*³⁵

Nghĩa là : Cây đào mơn mớn, cành lá tươi dờn, cô kia về nhà chồng làm gương-mẫu cho người nhà, làm gương-mẫu cho người nhà, rồi sau mới lấy đấy mà giáo hóa người trong nước. Nên anh nên em, nên anh nên em rồi sau mới lấy đấy giáo hóa cho người trong nước.

Bởi vì đạo-học không phải là vấn-đề trí-thức, nó là vấn-đề thực-hiện, cho nên có thực-hiện, một cách hiệu nghiệm với người gần ở trong nhà rồi, thì mới có thể nêu gương cho người xa ở trong nước :

*« Kỳ nghi bất thức, chính thị tứ quốc. Kỳ vi phụ tử, huynh đệ túc pháp nhi dân pháp chi dã ».*³⁶

Phép-tắc luân-thường đạo-lý là phép-tắc chung cho tất cả thiên-hạ, không chỉ thực có riêng cho một phần tử nào. Cho nên ở trong nhà đã thực nghiệm đúng phép, không sai, thì mới có thể dẫn đạo cho cả nước vào con đường chính được. Làm cha có đúng với đạo làm cha, làm con có đúng với đạo làm con, làm anh có đúng với đạo làm anh, làm em có đúng với đạo làm em, thì mới mong cho nhân-dân trong nước người ta soi gương vậy. Bằng không, trên ở không chính ngôi, thì dưới phải lằng loàn, như Mạnh-Tử nói, vua coi dân như cỏ-rác thì dân coi vua như giặc-cướp, và chỉ

thấy có người Trụ, người Kiệt, chứ không làm gì có vua Trụ, vua Kiệt. Coi đó đủ thấy nhà loạn thì nước cũng loạn, nước loạn thì nhà cũng chẳng yên. Hơn nữa, người trên phải hết nhiệm-vụ đã, tự nhiên kẻ dưới mới noi theo ; trách lỗi, không nên trách kẻ dưới, thần-dân, mà chính người cầm đầu phải chịu trách-nhiệm cả. Con người, luôn luôn biết ý thức trách-nhiệm của mình, tùy theo địa vị trong xã-hội, tất phải là con người thượng văn-hóa, xu hướng vào một lý-tưởng mà tiến tới, chứ không phải con người bị vật hóa, đuổi theo thế-lực vật-chất, hay là trí-thức quyền-năng làm cứu-cánh. Vì vậy mà văn-hóa làm căn-bản trong sự trị người vậy.

Noi theo con đường thực hiện đức sáng và đức thân-ái của người ta, đến trình-độ quốc-gia chưa phải-là chung cục. « *Cổ chi dực minh minh-đức ư thiên hạ* »³⁷. Xưa kia người ta muốn làm sáng đức sáng ra khắp nhân-loại. Như trên kia đã lấy dòng sông, để ví cái quá-trình tiến hóa của con người bắt đầu từ cá-nhân mà đi, thì quốc gia chỉ mới là khúc sông cái, chứ chưa phải là bể, nơi trăm nghìn dòng sông trên mặt đất đều đổ nước về đây mà hội hòa. Tinh thần nhân-loại không thể ngừng ở quốc-gia cũng như dòng nước tự nguồn suối chảy về không thể ngừng ở sông cái được. Tuy, tương-đối mà nói thì, có tinh-thần quốc-gia, biết lấy sự bán nước cầu vinh, phản quyền-lợi của đoàn-thể lớn để vụ quyền-lợi của đoàn thể nhỏ, hay của cá-nhân, là nhục, là bất nhân. Biết xả quyền-lợi riêng, nhỏ nhen, xả cái cá-nhân vị kỷ, hèn mọn, để phối với cái cá-nhân quảng đại, tượng trưng tổ-quốc, thì thực đã là một trình độ tiến-hóa cao, trong cầu

thang tiến-hóa đại đồng vậy. Nhưng, vòng tiến-hóa tuần hoàn, bất tuyệt, hể ngừng trệ ở một khúc nào cũng là thoái-hóa. Chân-lý chỉ có ở nơi phổ-biến đại đồng, chứ không dung một sự riêng-biệt nào hết.

Ta biết yêu nước của chúng ta, ta biết yêu nhà ta, sao người khác không biết yêu nước của y, nhà của y, như ta hay là hơn ta nữa ? Suy đầy đủ thấy, còn cái gì của ta thì còn trở-ngại, vướng-vấp, chưa thể giải thoát tự-do, mà lại gây nên tai-vạ của sự cạnh-tranh, chiếm-đoạt, trái với luân-thường đạo-lý. Cho nên đã yêu phải yêu cho phổ cập, đã sáng phải sáng như mặt trời, mặt trăng, cùng tinh-tú soi chiếu một cách đại đồng. Tinh-thần quốc-gia cũng vậy, phải mở rộng ra cho tới xã-hội, và chỉ còn xã-hội nhân-loại mà thôi, bao gồm tất cả các quốc-gia lớn nhỏ, vượt lên trên biên-giới kinh-tế và chính-trị cùng là huyết-thống chủng tộc. Bấy giờ chỉ còn một người chung đứng trước vũ-trụ. Ấy là nghĩa : *thiên hạ vi công, thế giới đại đồng*, là lý-tưởng của chủ-nghĩa xã-hội thực tiễn, trong chế-độ nông-nghiệp, nền tảng ở Đông-Phương vậy. Theo lý-tưởng ấy, người đối với người không như Tây-ngạn nói : *Homo lupus homini*. Người là chó sói với người, mà trái lại, nhất thiết đem thi hành cái đạo chi công gọi là « *hiệt củ* »³⁸ hay là « *nhất mục quân bình* ».

Cái đạo *hiệt củ* ấy, lập cước trên nền tảng hai đức báu của con người, là : Đức Nhân, và Đức Thử. Phàm trong xã-hội, người già-cả đều được kính trọng, vì tuổi-tác tượng trưng cho sự trường-tồn, vĩnh-cửu của đạo Trời, người huynh-trưởng được nhường nhịn, vì huynh-trưởng tượng

trưng cho sự từng-trải, mà đàn em cần phải học lấy những bài học kinh-nghiệm của những người đi trước, những người góa-bụa, chết chồng hay chết vợ không con, không ai tưởng nhớ thân yêu, ấy là hạng người đáng thương nhất trong nhân-loại, thì xã-hội nên cứu giúp trông nom đến, cho khỏi tủi nhục, quạnh hiu, mà sinh lòng oán-trách ; một chính-phủ mà biết trọng nhân, đức, đối với nhân-dân như thế, nhân dân ai còn phải phản đối, vì người nào cũng yên phận người nấy, hết thấy, được an cư lạc nghiệp, không quá lo ngại, nếu gặp thời-vận hẩm hiu hay già-nua, bệnh tật, đến phải chết đói, chết rét, chết đường, chết chợ, không kẻ vùi chôn :

*« Thượng lão lão nhi dân hưng hiếu, thượng trưởng trưởng nhi dân hưng để, thượng tuất cô nhi dân bất bội, thị dĩ quân tử hữu hiệt củ chi đạo giả ».*³⁹

Xem thế thì biết thuật chính-trị xưa kia không phải không thương tinh-thần xã-hội. Và lại, tinh-thần xã hội ngày nay, chỉ là duy lý, và còn ở trong lý-thuyết, chứ xưa kia, nhà cầm-quyền thực đã thực hiện được nhân-đạo theo như lý-tưởng, vì các ông quan thanh liêm ở xã-hội Việt-Nam trước thời Âu-hóa, không phải là hiếm có vậy :

*« Lạc chỉ quân tử, dân chi phụ mẫu. Dân chi sở hiếu hiếu chi, dân chi sở ố ố chi, thử chi vị dân chi phụ mẫu ».*⁴⁰

Vui thay người quân-tử, biết đạo làm người ấy là cha mẹ của dân. Dân yêu điều gì mình yêu điều nấy, dân ghét điều gì mình ghét điều nấy, nhất thiết lấy lòng mình phối hợp với

lòng dân-chúng, xả quyết lợi riêng để phụng sự quyền lợi của đa-số, như thế mới gọi là cha mẹ dân vậy.

Đây là nhân-chính trong đạo-hiệt-cử của người quân-tử. Còn đức thứ tức tinh-thần công lý vật.

Song, trong xã-hội giữ sao cho khỏi thiên-tư trong sự giao-tế bất, cứ ở địa-vị nào cũng lấy lòng mình mà ước đặc lòng người, một cách khách-quan, để mà xử thế, tiếp vật. Trong thiên-hạ có sự tranh-đoạt lẫn nhau, rối loạn trật-tự đương nhiên, chỉ vì mất sự công-bằng trong sự giao-dịch, về phương-diện thực-tế cũng như ở phạm-vi tinh-thần, giữa cá-nhân cũng như giữa đoàn-thể, trong phạm-vi quốc-gia cũng như ở phạm-vi quốc-tế. Bởi vậy, người lý-tưởng lấy công-lý làm một đầu mối trong hiệt-cử, để bình thiên-hạ, nghĩa là coi nhân-loại tất cả như một :

*« Sở ố ư thượng vô dĩ sử hạ, sở ố ư hạ vô dĩ sử thượng. Sở ố ư tiền vô dĩ tiên hậu. Sở ố ư hậu vô dĩ tòng tiền. Sở ố ư hữu, vô dĩ giao ư tả. Sở ố ư tả vô dĩ giao ư hữu. Tử chi vị hiệt cử chi đạo ».*⁴¹

Cái điều gì mình ghét ở người trên, không cho người ta đem xử với mình, thì mình cũng chớ đem nó mà xử với người ở dưới quyền mình. Trái lại, điều gì mình ghét người dưới đối đãi với mình, thì cũng tự cảnh cáo lấy mà chớ nên đem đãi người ở trên mình. Điều gì mình đã không ưa nó đến cho mình, thì mình cũng không nên đưa nó ra đầu tiên cho người sau ; và cái gì sau này mình ghét thì cũng không nên lại theo như trước. Điều gì mình ghét ở tay trái thì chớ nên đem nó sang cho tay phải ; và cái gì ghét ở bên phải thì

đừng để cho bên trái. Như thế gọi là đạo hiệt-củ. Tóm lại, đạo hiệt-củ là tinh-thần công minh chính trực, lòng quân-bình nhất mực, cũng như ngày nay gọi là công-lý, bình-đẳng.

Nhưng có chỗ khác ở căn-bản, ấy là công-lý trong đạo hiệt-củ thì lập cước trên tình lẫn lý, còn công-lý ngày nay chỉ dụng có lý mà thôi ; bởi vì ở đạo hiệt-củ, có đức nhân lẫn đức thứ, đều là tác-dụng của đức ái khuếch xung ra đến phạm-vi phổ biến đại đồng, mà người ta luôn luôn kiểm sát, một cách sáng suốt, tức là đi đôi với lý-trí khách quan vậy.

Đứng ở địa-vị lãnh đạo nhân-dân, ví như một tôn sư, để cho trăm mắt nhìn ngấm, làm tiêu-biểu cho dân-chúng chiêm ngưỡng, biểu tượng của lòng yêu chung, của trí-thức chung, của mẫu-mực hành-động chung. Nhân-dân, tin cậy cất lên để lãnh-đạo cho dân, phó thác cả quốc-thổ lẫn tính-mệnh chung cho, không thận trọng ở hành-vi, ở lời nói, ở ý-nghĩ sao được ? Nhân-dân chất phác, chỉ biết nhìn vào cái gì cụ-thể, chứ không hiểu những cái trừu-tượng, cho nên chỉ một người tiêu-biểu phải chịu hết trách-nhiệm của toàn quốc. Nhất thiết các điều lầm lỗi xảy ra cho dân-chúng phải chịu, thì dân-chúng quy hết vào một người lãnh đạo. Cho nên đức sáng không minh mẫn thông tỏ, đức thân-ái không rộng rãi bao dung, thì không thể bao quát được khắp, mà vô tình mua oán của thiên-hạ. Quần-chúng không hay hành động có ý-thức, mà hành động, phần nhiều, vô ý-thức, do những lực-động-cơ tiềm tại, những thành-kiến di truyền, nó ngấm ngấm xô đẩy. Cho nên, một khi, vì lòng công-phẫn quá mạnh, mà đã nổi dậy, thì khác gì như tức nước vỡ bờ,

ào ào lôi cuốn, phá hoại hết sạch những trở-ngại trên đường, không biết suy nghĩ, e dè gì hết. Lịch-sử các cuộc nội-loạn ở các nước bên Âu-Châu đã ghi những tỷ-dụ các vua chúa bị dân-chúng hành hình, như vua Charles I bên Anh-Cát-Li, vua Louis XVI trong hồi cách-mệnh Pháp, vua Nicolas bên Nga gần đây :

« Hữu quốc-gia bất khả dĩ bất thận. Tích. Tắc vi thiên-hạ lục hĩ ». ⁴²

Xem thế đủ thấy khi tiềm-thức quần-chúng đã nổi dậy và được đà, thì xã-hội chưa biết xô đẩy đến tận đâu. Cho nên gọi thế lực quần-chúng lên thì dễ, mà chỉ huy được nó là một sự khó. Người ta có thể được lòng quần-chúng, bằng cách phỉnh nịnh dục-vọng của nó, hay là bằng cách lấy đức mà cảm hóa. Lấy đức cảm hóa thì lâu, nhưng bền, và còn điều khiển được vào đường chính. Phỉnh nịnh vật-dục thì chóng, nhưng lại chóng tàn, và khó lòng điều khiển vào đường phải, đường hay, vì quen với tính phóng-túg, vô chính-phủ, chỉ còn là một thế-lực mù quáng, vô tri mà thôi. Vì thế, ở đạo Nho, người ta mới chia ra có Vương đạo với Bá đạo. Bá đạo chỉ cần được việc trước mắt, cái kết-quả về sau không quan tâm đến, còn Vương đạo thì lo chu toàn cho cả phương-tiện lẫn cứu-cánh, vì cứu-cánh của Vương đạo là chí thiện, và theo luật nhân-quả trên kia thì, khi dùng phương tiện gian ác tức là gieo cái mầm xấu, người ta chỉ sẽ lượm lấy những quả gian ác mà thôi.

Tây ngạn nói : « Qui vainc par l'épée, meurt par l'épée », ai thắng bằng gươm sẽ chết vì gươm, cũng là ngụ

cái ý phương-tiện với cứu-cánh là một.

Bảo rằng : « *Đạo, đăc chúng tất đăc quốc, thất chúng tất thất quốc* » ⁴³. Hễ được lòng dân-chúng tức thì có nước để mà trị, mất lòng dân-chúng tức thì mất cả nước.

Vậy cổ-nhân trong việc bình trị, không lo không có lĩnh-thổ, mà chỉ lo không có đức cảm hóa lòng người mà thôi. Vì đã có đức đủ cảm hóa lòng người, thì không những chỉ được một nước mà trị thôi, tất nhiên còn được lòng cả thiên-hạ, vì lòng người ở đâu cũng vẫn chung một mối. Hễ *cận duyệt* thì *viễn lai*, người ở gần vui lòng, thì người ở xa sẽ tìm đến :

« *Thị cố quân tử tiên thận hồ đức. Hữu đức thử hữu nhân, hữu nhân thử hữu thổ, hữu thổ thử hữu tài, hữu tài thử hữu dụng* » ⁴⁴.

Cho nên nhà chính-trị quân tử, trước hết phải thận trọng về cái đức mình, đức ái, hễ có đức mình, ái, thì sẽ có người theo ; có người là phải có đất, vì người ta sẽ đem lại cho mà trị, và có đất rồi, thì với nhân-công đấy, tức thì có tài-hóa ; tài-hóa đã có, lòng giữ vô tư, chỉ một niềm công-nghĩa, thì lo gì không biết cách dùng hữu ích !

Ba nguyên động-lực-cơ chính, nó chi phối tất cả hoạt-động của một xã-hội, là kinh-tế, chính-trị, văn-hóa, cả ba đều mật thiết tương quan. Cả ba đều quan trọng, thiếu một cái nào cũng không được. Tuy chia ra làm ba, nhưng kỳ thực chỉ có kinh-tế với chính-trị, còn văn-hóa bao-trùm cả kinh tế lẫn chính-trị. Vì văn-hóa là cái năng-lực tinh-thần, không một ngành hoạt-động nào của nhân-loại là nó không chi phối, điều khiển, ở bên trong. Song, có hai khuynh-hướng

khác nhau, là khuynh-hướng vật chất và khuynh-hướng tinh thần ; khuynh-hướng làm nô-lệ cho vật-chất hay là khuynh hướng làm chủ được nó. Cùng một năng-lực nguyên-tử tìm dùng được nó, ắt phải đầy công khám phá, hao tổn tinh-thần của nhà khoa-học tức là động-cơ văn hóa vậy, nhưng dùng nó để giết hại lẫn nhau, hay là dùng nó để giảm bớt sự khó nhọc của nhân-loại, ấy lại phải tùy trình-độ văn-hóa của xã-hội, hoặc làm chủ vật chất, hoặc bị vật-chất nó nô-lệ hóa phản lại. Cho nên, ở xã-hội lý tưởng, xưa kia người ta lấy văn-hóa làm gốc, kinh-tế làm ngọn, theo thứ-tự quan hệ trên cầu thang tiến hóa của tạo vật. « *Đức giả bản giã, tài giả mạt giã* »⁴⁵. Đức hóa là gốc, tài hóa là ngọn.

Bằng không nếu : « *Ngoại bản nội mạt tranh dân thí đoạt* »⁴⁶, để cái gốc ở ngoài, cái ngọn ở trong tức là làm trái với luật tiến-hóa tự nhiên, ai cũng thấy lợi thì xu tới, thấy nghĩa thì làm ngơ, lòng tham không đáy, kết quả trong xã-hội sẽ có sự tranh-cướp lẫn nhau, cá lớn nuốt cá nhỏ, cá nhỏ nuốt cá con. Cả xã-hội theo đà vật-hóa còn gì là sự bình-trị nữa vậy ?

Cho nên xưa kia, thuật bình trị thiên-hạ lấy nguyên-lực động-cơ văn-hóa làm cơ-bản, còn tài-hóa chỉ là phương-tiện. Cho nên ở xã-hội tài-hóa không tập trung, mà quân phân theo luật tình-điền, nhà nước một phần chín, còn tám phần chia cho các gia đình, như thế dân chúng sẽ bằng con công cháu, nô nức kéo đến qui thuận, chứ không như xã-hội cận đại, lập cước trên sự tự-do cạnh tranh, tập trung tư-bản và lấy sự bá-chủ kinh-tế làm cứu-cánh.

Vậy xã-hội được bình-trị, thiên-hạ được hòa-bình, chỉ khi nào, người ta biết trọng đức-hóa hơn tài-hóa, thượng văn-hóa chứ không thượng vật-hóa, biết lấy tinh-thần làm gốc, vật chất làm ngọn, đến lúc ấy, loài người mới gọi là văn-minh. Bằng không đem cái gốc làm ngọn, cái ngọn làm gốc, đức ở ngoài mà tài ở trong, con người khô cạn hết nguồn sống nội tại, chỉ còn biết theo đuổi sự vật ngoại giới, thượng hạ giao tranh tài lợi, thì xã-hội hết sự an-ninh, con người hết sự hòa lạc. « *Thị cố tài tụ tắc dân tán, tài tán tắc dân tụ* ». ⁴⁷

Vì thế cho nên ở một xã-hội tài-hóa tập trung quá đáng vào một số ít người, còn đa-số bị phá sản thì nhân-dân phải tán lạc, tha phương cầu thực, trái lại, tài-hóa mà quân phân cho tất cả mọi người thì nhân dân mới xum họp, an cư lạc nghiệp được.

Luật nhân-quả trên kia là luật chung cho toàn-thể sự vật, không những nó chỉ hiệu nghiệm cho những hiện-tượng tâm giới, nó còn hiệu nghiệm cho cả hiện-tượng cụ thể ở ngoại giới nữa, vì nó có tính cách đại đồng, cho nên nó là một chân-lý cơ bản. Theo luật ấy, thì phạm một lời nói ngược ngạo, trái đạo thiên nhiên, đã thốt ra, ắt lại đem lại cái kết-quả trái ngược vào mình, và, tài hóa thu hoạch trái phép bất nhân, thì cũng là tán đi một cách tàn ác vô đạo. Vậy không mong những sự hoành-phát bằng cách bất-nhân, bất nghĩa, trái với lẽ thường, chỉ nên theo lẽ thuận thông thường. Như thuật sử dụng tài-hóa, thì chỉ cần-kiệm mới không thiếu thốn, làm ra nhiều tiêu đi ít, làm ra mau tiêu đi dần, thì ắt là luôn luôn, trong nhà, trong nước, phải có sự

dự trữ phòng khi đói kém, tai ương, mới có mà chi dùng. Trái lại, bóc ngắn cắn dài, xa hoa quá độ thì tất phải gặp cơn túng bấn, làm liều, mưu ác, để mua lấy tai-họa bất thường. Một xã-hội mà xa hoa quá độ, phao phí, đài diễm, rồi cũng sẽ đi đến nguy vong như các thời đại vật-chất suy đồi trong lịch sử nhân-loại vậy. Cho nên ở xã-hội nông nghiệp xưa kia, người ta cốt lấy hai chữ cần-kiệm làm quy tắc kinh tế của cá-nhân cũng như của quốc-gia xã-hội :

« *Thị cố ngôn bôi nhi xuất giả diệc bôi nhi nhập, hóa bôi nhi nhập giả diệc bôi nhi xuất* ». ⁴⁸

Bởi vậy nên : « *Sinh tài hữu đại đao, sinh chi giả chúng, thực chi giả quả, vi chi giả tật, dụng chi giả thư, tắc tài hằng túc hỹ* ». ⁴⁹

Còn như đối với tài-hóa, con người lý-tưởng của xã-hội, con người đã thành tựu đạo làm người, con người là NGƯỜI, thì không lấy tài-hóa làm vinh thân, không để cho tiền tài nó nô-lệ hóa, không để cho vật hóa, mà cùng nhân dục, bao giờ cũng lấy văn-hóa làm tôn chỉ. Như thế mới gọi là người Nhân, người đáng là **NGƯỜI** : « *Nhân giả dĩ tài phát thân, bất nhân giả dĩ thân phát tài* ». ⁵⁰

Trong xã-hội mà trên biết trọng cái đạo làm Người, vừa kiêm đức sáng lẫn đức ái, đào luyện tự khi còn trong gia-đình, thì sẽ gây ra bầu không khí nhân đạo mà ai ai cũng được cảm hóa, nhân dân không xu theo lợi, một cách tối tăm mặt mũi, mà quên cái nghĩa phải-nên của con người nên NGƯỜI :

« Vị hữu thượng hiếu nhân, nhi hạ bất hiếu nghĩa giả dã. Vị hữu hiếu nghĩa, kỳ sư bất chung giá dã. Vị hữu phủ khổ tài, phi kỳ tai giả dã ». ⁵¹

Chưa từng thấy, người trên, kẻ thượng lưu trong xã-hội biết trọng đạo làm người, mà người dưới không biết trọng nghĩa trên lợi vậy. Chưa từng thấy, con người nên Người biết trọng nghĩa, mà làm việc nghĩa-vụ không chu đáo cho đến kết-quả trọn vẹn vậy.

Con người đã có nhân, nghĩa, thì tiền-của thu hoạch cũng theo cách Nhân Nghĩa mà kiếm được, chứ không phải đồng tiền bất nhân, bất nghĩa, bóc lột, hà hiếp mồ hôi nước mắt của đám dân đen, hay là cướp phá, tàn hại kẻ khác mà có vậy.

Ấy con người lý tưởng ở xã-hội xưa là con người nên NGƯỜI như thế đấy. Con người « **NHÂN** » không phải con người vẽ trên bức tranh trùu tượng, nó là con người đã thực hiện nên NGƯỜI qua các giai đoạn, của cuộc đời nhân-quần xã-hội, con người nhập thế, con người tại gia, giàu thực nghiệm với đời, từng trải các cảnh-ngộ, các địa-vị của xã-hội.

Con người nên người một cách thực-tế, con người đã thực-hiện được tinh-thần đạo lý, tức là đã thực-hiện được con Người chân chính ở mình, biến-hóa dần thú tính bằng cách tuân theo kỷ-luật câu thúc của cuộc đời tập đoàn, luôn luôn chịu đựng được người, đồng thời thành tựu, nung đúc cho cái Nhân-bản càng ngày càng rõ rệt hiển minh, bao trùm thông suốt cả nhân-loại. Chỉ đến bấy giờ, con người đã

nên người, mới thực biết yêu, mới thực biết ghét. « *Duy-Nhân-nhân, vi năng ái nhân, năng ố nhân* »⁵², chỉ có người thực là Người mới có thể yêu được người, ghét được người. Đi đến đâu đức sáng đức nhân xuất ra, cảm hóa được mọi người, vượt ra ngoài cái vô-tư-ngã, vượt ra ngoài biên-giới gia-tộc và quốc-gia. Chỉ còn người đối trước nhân loại đang tiến hóa.

Còn như những người bất nhân, yêu cái mà người ta ghét, ghét cái mà người ta yêu, ấy gọi là, con người mất nhân-tính, trái nhân-bản, thì tai-vạ chóng chầy sẽ vận vào thân, vì con người không còn là Người, đi trái với đạo làm người, thì chỉ thu hút vào chung quanh thú tính, và dần dần trụy lạc đến bị đào thải, bởi luật tự nhiên, ra khỏi vòng nhân-loại :

« *Hiếu nhân chi sở ố, ố nhân chi sở hiếu, thị vị phát nhân chi tính, chuy tất đãi phu thân* ».⁵³

Cho nên đã nên người, luôn luôn noi theo đạo lớn, thực hiện đạo tu kỷ trị nhân, tất phải giữ gìn hai đầu mối của Nhân tính, ấy là *trung* và *tín*. Trung nghĩa là hết lòng theo đuổi, hết sức phụng sự. Tín, là tuân theo luật tiến-hóa tự nhiên, không hề phản trái. Tin thực vào luật tiến-hóa tự nhiên của vũ-trụ, luật nhân quả của sự-vật, và tuân theo mà hành-động cùng tư-tưởng ấy sẽ giữ được đạo Nhân-bản, bằng không, kiêu căng, cuồng loạn, khinh mạn ngông cuồng, thì dần dà xa mất Nhân-bản, phản trái với đạo lớn :

« *Thị cố quân tử hựu đại đạo, tất trung tín dĩ đắc chi, kiêu thái dĩ thất chi* ».⁵⁴

Vậy đã giữ một thiên-chức, một sứ-mệnh lịch sử gì đối với nhân-quần, đối với vũ-trụ, nếu không noi sát ở ý nghĩ, ở hành-vi, để luôn luôn không ra ngoài đạo thiện, sai với luật tiến-hóa chung là từ cái phần-tử đi ra cái toàn-thể, từ cái cá-thể đi ra phổ biến đại-đồng, thì cái thiên-chức kia, cái sứ-mệnh kia, sẽ mất ở tay mình, mà sang tay người có đức thiện xứng đáng hơn :

« *Duy mệnh bất vu thường, đạo thiện tắc đắc chi, bất thiện tắc thất chi hĩ* ». ⁵⁵

Vậy kể từ sứ-mệnh làm người, cũng như sứ-mệnh trị vì thiên-hạ, có đức Nhân thì sẽ giữ được, mất đức Nhân thì sứ-mệnh sẽ mất « *Tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi* » ⁵⁶. Tự giúp mình giữ đạo lớn, đạo lớn chí thiện, mà tiến-hóa, thì sức Trời cũng giúp cho mà tiến, bằng không, tự mình trể nài, để cho suy đồi, thì trăm nghìn thế-lực trong vũ-trụ cũng hòa theo mà đạp cho đổ xuống.

Ấy, con đường Đại Học, để thực-hiện đạo nên Người đạt mục-đích chí thiện trong thiên-hạ là như thế. Con người lý-tưởng trong cõi nhân-loại, không mất nhân tính, mà cố nhân hoài-bảo là như thế.

KẾT LUẬN

Nay, hỏi cái lý-tưởng ấy có thích hợp cho thời-đại này không ?

Muốn xét một tư-tưởng nào, cần phải xét nó ở trong hoàn cảnh thực-tế đã gây ra nó vậy. Ngoài ra, không có một tư-tưởng, một chủ nghĩa nào, rời hoàn-cảnh thực tế lại có một giá trị tuyệt đối, ngoài không-gian và thời-gian.

Cái xã-hội cổ-hữu Đông-Phương đã đẻ ra cái tư-tưởng Nhân-đạo, đã quan-niệm con Người Nhân, nhập thể tri gia, sống một đời hành-động trong nhân quần xã-hội, lấy sự tu-thân cho đến Chí Thiện, thành tựu con người nên Người trong cái cảnh-ngộ của cuộc đời thực-tế, cái xã-hội ấy là cái xã-hội lập trên nền tảng kinh-tế nông nghiệp, tài sản quân phân theo nguyên-tắc tình điền, bán công bán tư. Chính thể lý tưởng là chính thể dân-vi-quí, đại diện bởi những sĩ phu chọn lọc, trong các tầng lớp dân chúng, bằng cách thi cử của nền giáo dục bình dân, phổ thông. Tinh-thần dân-chủ lấy làng xã làm bản-vị, xã-hội gia-tộc làm cá-thể. Chính-quyền tuy tập-trung nhưng, sự thực thì phân quyền ở xã-tắc.

Một điều đặc biệt là, khắp trong xã-hội, một bầu không khí thương văn-hóa, thấm nhuần nhân tâm, cái văn-hóa đào tạo ra con người Nhân, lấy đạo quân-tử làm tiêu-chuẩn, đạo của người thực hiện con Người, bằng hành-động trong đức Minh và tình thân ái nhân-loại.

Quan niệm con Người Nhân ấy không tưởng chẳng ? Xã-hội Nhân ấy là một xã-hội không tưởng chẳng ?

Không tưởng là nói không thực-tế, không có căn-cứ thực-nghiệm. Nhưng ở Đại-Học, phương-pháp tu thân căn-cứ vào khoa tâm-lý thực-nghiệm từ đầu chí cuối. Phương-pháp luận là một phương-pháp khoa-học, vì chỉ do luật nhân quả mà suy-diễn ra vậy. Còn xã-hội kia không tưởng, thì lịch-sử chứng minh, với chế-độ nông-nghiệp nền tảng ấy, cái xã-hội Nhân kia với đời sống chất phác, không quá tấp nập bon chen, quả đã từng tràn lan, thống nhất được một khu vực lục-địa, lớn gấp mấy châu Âu, đi hết biên-giới của sự trở-ngại tự nhiên mà bây giờ trình độ kỹ-thuật của người ta chưa thể giải-quyết được. Vậy bảo xã-hội ấy không tưởng thì thực là một sự vu-khoát vậy.

Còn như tư-tưởng ấy có thích hợp với thời-đại này không thì lại là một chuyện khác.

Quá trình lịch-sử của thế-giới, do sức mạnh xô đẩy của sự-vật, đã đưa nhân loại, về phương-diện kinh tế, đến chỗ kỹ-nghệ cơ-khí và tự-do cạnh tranh, rồi từ tự-do cạnh tranh đến tập trung tư-bản và độc-tài kinh-tế chủ nghĩa, nó chi phối các ngành hoạt-động của xã-hội, nó chi phối chính-trị cũng như nó nô lệ-hóa văn-hóa. Về mặt tinh-thần thì, tự ngày có tư-tưởng duy lý và khoa-học thực nghiệm dấy lên, càng ngày người ta càng hoài-bão trí-thức về vật-lý, để thắng-đoạt thiên nhiên và tăng gia quyền-năng của loài người. Nhưng, mãi đi tìm cái trí-thức về sự-vật bên ngoài, người ta chẳng quên cái trí-thức tâm linh là cái trí-thức nó giúp cho người tự thắng đoạt lấy mình, tự làm chủ được

mình. Do đấy mà người cận đại sống trong cái xã-hội bon chen về tài-lợi, vật-dục tung hoành, càng ngày càng bị vật-hóa, chính con người đã bị vật-hóa, đã phất nhân-chi-tính, như kết luận ở Đại-Học, thì bao nhiêu những tổ-chức hay, những chính thể dân-chủ rộng rãi, tốt đẹp, đều bị lệ thuộc thế-lực của vật chất, đều làm trò chơi trong tay thần tài.

Vậy nên tất cả sự khủng-hoảng ngày nay ở thế-giới chỉ là do một sự khủng hoảng đầu mối là sự khủng hoảng về con người. Muốn cứu vãn tình-thế chung, phải dò cho tới ngọn nguồn lạch sông. Nguồn gốc của thời-bệnh là con người không thành Người, con người phất-nhân-chi-tinh. Xem như thế thì lý-tưởng Nhân, phương pháp đào luyện con người nên Người, ở thời xưa, từng lượm được nhiều kinh-nghiệm đều thích dụng và cần thiết cho thời này lắm vậy. Nếu phương pháp xưa còn khiếm khuyết, nếu điều-kiện thực-tế xưa không phức tạp như ngày nay, thì chúng ta càng nên bổ khuyết, càng nên tập-thành, mà phát-triển thích hợp với hình-thức xã-hội ngày nay, chứ về phương-diện nguyên-lý của đạo tu thân, thánh nhân ở Đông-phương cổ hữu vẫn giữ giá-trị một chân-lý phổ biến, đại đồng. Trí-thức của nhân-loại không một ngày mà mọc lên như nấm.

Bao nhiêu cuộc cách-mệnh xã-hội, nói để san bằng đẳng kiến thiết cái mới, thì chỉ là do sức mạnh của sự-vật nó xô đẩy vì cái thời-tệ nó ứ trệ, nó ràng buộc nhân-loại trên đường thuận tiện lưu thông, ví như người con gái, đến tuổi dậy thì, thì thường ngúng ngẩy trong người gọi là sốt rét vỡ da, hay là đứa trẻ, từ giai-đoạn nọ trưởng thành vào giai-đoạn kia, thường thấy bệnh sốt biến chứng, tỏ ra có sự việ-

bực trong dòng tiến hóa. Không biết tránh sự khủng-hoảng ấy, bởi vì không sớm ý-thức luật tiến-hóa đương nhiên để mà tiên liệu, mặc cho cái vô-ý-thức nó sai khiến, cái thế-lực mù quáng nó xô đẩy, chứ sự việtbực bạo động không tất nhiên hẳn là sự cần-thiết của lịch-sử. Nhưng, dù sao, hết cơn khủng hoảng giai-đoạn sau lại miêntục, kế tiếp, với giai đoạn trước. Văn-minh nhân-loại cũng vậy, nó là một dòng miêntục, mà các cuộc cách-mệnh, chính-trị, kinh-tế hay văn-hóa cũng không đào-thải nổi quá-khứ, mà trái lại, bao nhiêu thành-kiến, tập-tục của người chết vẫn đè nặng trên đầu kẻ sống.

Vậy ta chỉ nên khai dòng sông, mở rộng bờ nước, tùy với sức nước, để cho dòng tiến-hóa thuận đường chảy xuôi ra bể cả đại đồng, chứ nhân-loại có tài gì, có sức gì, đã không tránh nổi những sự vấp-ngã của lịch-sử, mà đem sức của một phần-tử cản trở toàn lực của vũ-trụ. Biết luật của vũ-trụ mà thuận theo, hòa nhịp, ấy là giác ngộ, ấy là hiểu biết, ấy là đạt chân-lý và đạo-lý. Ngu mê, cố chấp, tưởng trái nghịch được sức mạnh của đại đồng, thì chỉ đi đến đau-khổ và tiêu-diệt. Vậy khoa-học có sớm tỉnh ngộ, mà tìm hiểu biết cái máy huyền vi nó điều khiển trong con người, khoa-học có sớm bắt tay với đạo-học để khám phá cả vật-lý lẫn tâm-lý, đặt chỉ dẫn đường lối thành Nhân cho nhân-loại tiếp tục và khuếch xung bao nhiêu kinh-nghiệm của khoa-học tâm-linh thừa trước đã đạt đến nguyên-lý đại đồng, để tu sửa cho con người ngày nay thành Người, ấy là hạnh-phúc chung mà thế-giới đang hy-vọng. Hẳn không phải chỉ riêng dân-tộc Việt-Nam mới đang khao khát một

nền văn-hóa như thế, một nền văn-hóa làm cho con người biết thượng văn-hóa, hơn là quyền-năng, làm chủ được thế lực tự-nhiên, không những ở vũ-trụ, mà hơn nữa, ở chính tại bản thân mình vậy.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ Nguyễn-Đăng Thục

Đang in :

- Đạo Hành
- Quan niệm duy nhất hoa học Đạo học

Sẽ xuất-bản : Đạo Thành

Đã xuất-bản :

- **Phạm-Xuân Thái :** Việt-Anh thông thoại tự điển, Việt-ngữ cải cách, Warrior's wife's plaintive ballad (Chinh Phụ ngâm).

- **Hồ-Hữu Tường :** Muốn hiểu chính-trị

NHÀ XUẤT-BẢN TỨ-HẢI
112, Lagrandière, Saigon
40, Hàng Da, Hanoi
In tại nhà in Tứ-Hải, Hà-nội



Notes

[←1]

大學之道在明明德，在親民，在止於至善。

[←2]

邦畿千里，惟民所止。

[← 3]

緡蠻黃鳥，止於丘隅。

[←4]

穆穆文王於緝熙敬止，為人君止于仁，為人臣止於敬，為人子止於孝，為人父止于慈；
與國人交止于信。

[←5]

知止而后有定，定而后能靜，靜而后能安，安而后能慮，慮而后能得。

[← 6]

物有本末，事有始終。

[←7]

知所先後則近道矣。

[← 8]

致知在格物。

[←9]

物格而后知至。

[← 10]

欲誠其意，先致其知。

[←11]

知至而后意誠。

[← 12]

富潤屋，德潤身，心廣體胖，故君子必誠其意。

[←13]

十目所視，十手所指，其嚴乎。

[← 14]

慎其獨。

[←15]

閒居為不善。

[←16]

身有所忿懣，則不得其正，有所恐懼，則不得其正，有所好樂則不得其正，有所憂患，則不得其正。

[←17]

心不在焉，視而不見，聽而不聞，食而不知其味。

[← 18]

欲正其心，先誠其意。

[← 19]

意誠而後心正。

[← 20]

欲修其身，先正其心。

[←21]

物至知知然後好惡形焉，好惡無節於內，知誘於外，不能反躬天理滅矣，夫物之感人無窮，而人好惡無節則是物至而人化物也，人化物也者滅天理而窮人欲者也。

[←22]

欲修其身，先正其心，欲正其心，先誠其意，欲誠其意，先致其知，致知在格物。

[←23]

物格而后知至，知至而后意誠，意誠而后心正，心正而后身修。

[←24]

學而時習之，不亦說乎，有朋自遠方來不亦樂乎。人不知而不愠，不亦君子乎。

[←25]

自天子以至於庶人壹是皆以修身為本。

[←26]

君子造端乎夫婦。

[←27]

好而知其惡，惡而知其美者，天下鮮矣。

[←28]

人之其所親愛而辟焉，之其所賤惡而辟焉，之其所畏敬而辟焉，之其所哀矜而辟焉，之其所敖惰而辟焉。

[←29]

莫知其子之惡，莫知其苗之碩。

[← 30]

不出家而成教於國。

[←31]

一家仁一國興仁，一家讓一國興讓，一人貪戾一國作亂，其機如此，此謂一言僨事，一人定國。

[←32]

如保赤子，心誠求之，雖不中不遠矣，未有學養子，而後嫁者也。

[← 33]

堯舜帥天下以仁而民從之桀紂帥天下以暴而民從之其所令反其所好而民不從。

[←34]

是故君子有諸己,而后求之人, 無諸己而後非諸人, 所藏乎身不恕, 而能喻, 諸人者, 未之有也。

[←35]

桃之夭夭，其葉蓁蓁，之子于歸，宜其家人，宜其家人，而後可以教國人，宜兄宜弟，宜兄宜弟，而後可以教國人。

[←36]

其儀不忒，正是四國，其為父子足法而民法之也。

[← 37]

古之欲明，明德於天下。

[← 38]
矩。

[←39]

上老老而民興孝，上長長而民興弟，上恤孤而民不倍是以君子有絜矩之道也。

[←40]

樂只君子，民之父母，民之所好好之，民之所惡惡之此之謂民之父母。

[←41]

所惡於上母以使下，所惡於下，母以事上所惡於前母以先後，所惡於後母以從前，所惡於右，母以交於左，所惡於左，母以交於右，此之謂絜矩之道。

[←42]

有國者不可以不慎，辟，則天下戮矣。

[←43]

道得眾則得國，失眾則失國。

[←44]

是故君子先慎乎其德，有德此有人，有德此有土，有土此有財，有財此有用。

[←45]

德者本也，財者末也。

[←46]

外本内末争民施奪。

[←47]

外本内末争民施奪。

[←48]

是故言悖而出者亦悖而入，貨悖而入者亦悖而出。

[←49]

生財有大道，生之者眾食之者寡，為之者疾，用之者舒，則財恒足矣！

[←50]

仁者以財發身，不仁者以身發財。

[←51]

未有上好仁而下不好義者也，未有好義其事不終者也，未有府庫財，非其財者也。

[←52]

唯仁人為能愛人能惡人。

[←53]

好人之所惡，惡人之所好是謂拂人之性菑必逮夫身。

[← 54]

是故君子有大道必忠信以得之驕泰以失之。

[←55]

惟命不于常，道善則得之不善則失之矣。

[←56]

栽者培之，傾者覆之。